



CADI-SUN[®]

Dây điện tốt. Cáp điện bền

CHẤT LƯỢNG



BẢNG GIÁ

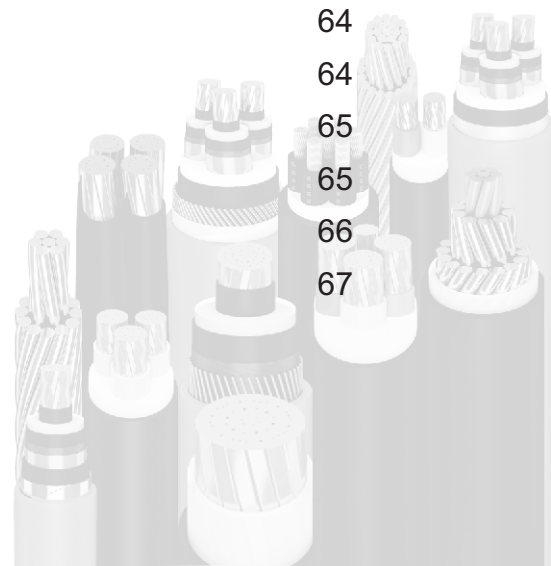
SẢN PHẨM CÁP HẠ THỂ VÀ DÂY DÂN DỤNG

Bảng giá có hiệu lực kể từ ngày 01/06/2024 cho đến khi có thông báo mới

CADI-SUN, ngày 01 tháng 06 năm 2024



CÁP ĐỒNG HẠ THẾ	3
Cáp đồng trần C?; CF?	4
Cáp đồng đơn CV 1x? (Tiết diện từ 16mm ² trở lên)	6
Cáp đồng treo CVV 3x+1x?	7
Cáp đồng treo CXV 1x?; 2x?; 3x?; 3x+1x?; 4x?; 3x+2x?	8
Cáp điện kế MULLER 2x?	14
Cáp đồng ngầm 1 ruột DATA 1x ?	14
Cáp đồng ngầm nhiều ruột DSTA 2x?; 3x?; 3x+1x?; 4x?; 3x+2x?	15
CÁP CHẬM CHÁY, CHỐNG CHÁY	20
Cáp chậm cháy FSN	21
Cáp chống cháy FRN	31
CÁP CAO SU	38
Cáp hàn CNR 1x?	39
Cáp CRR 1x?; CRR 2x?; CRR 3x?; CRR 3x+1x?; CRR 4x?	40
CÁP ĐIỀU KHIỂN	45
Cáp điều khiển không lưới chống nhiễu DVV ?	46
Cáp điều khiển có lưới chống nhiễu DVV/SB ?	49
CÁP NHÔM HẠ THẾ	52
Cáp nhôm trần A?	53
Cáp nhôm trần lõi thép As?	54
Cáp nhôm bọc AV ?; AXV 1x?; AXV 4x?; ADSTA 3x+1x?; ADSTA 4x?; AsV ?	55
Cáp nhôm vặn xoắn ABC 2x; ABC 3x?; ABC 4x?	61
DÂY DẪN DỤNG	63
Dây xúp dích VCmD 2x?	64
Dây đơn mềm VCSF 1x?	64
Dây đơn 7 sợi CV 1x? (Tiết diện ≤ 10mm ²)	65
Dây ôvan mềm VCTFK 2x?	65
Dây tròn mềm VCTF 2,3,4,5 x?	66
Dây đơn 1 sợi cứng VCSH 1x?	67





CADI-SUN[®]

Dây điện tốt. Cáp điện bền

CHẤT LƯỢNG



CÁP ĐỒNG HẠ THỂ



BẢNG GIÁ SẢN PHẨM DÂY VÀ CÁP ĐIỆN CADISUN[®]
CÁP ĐỒNG TRẦN

Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 5064
Quy cách sản phẩm: Cu không ủ mền, bện tròn cấp 2 và không ép chặt

STT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Khối lượng gần đúng	Đơn giá (Đã bao gồm VAT 10%)		Chiều dài đóng gói (m)
		Dây pha		Trung tính			Kg/m	Giá bán sỉ (VNĐ/kg)	
		Số sợi	ĐK	Số sợi	ĐK				
1	C4	1	2.20				431,141	452,698	15,000
2	C 6	1	2.80				429,924	451,420	20,000
3	C 10	1	3.57				429,283	450,747	15,000
4	C 16	7	1.70				424,186	445,396	10,000
5	C 25	7	2.13				423,921	445,117	6,000
6	C 35	7	2.51				423,818	445,009	5,000
7	C 50	7	3.00				424,861	446,104	4,000
8	C 70	19	2.13				424,501	445,726	4,000
9	C 95	19	2.51				424,235	445,446	2,000
10	C 120	19	2.80				424,344	445,561	2,000
11	C 150	37	2.25				424,265	445,478	1,500
12	C 185	37	2.51				424,173	445,381	1,500
13	C 240	37	2.84				424,009	445,209	1,000
14	C 300	37	3.15				423,891	445,085	1,000
15	C 400	37	3.66				423,708	444,893	1,000
16	C 500	61	3.20				424,015	445,216	1,000

Ghi chú: Các sản phẩm có tiết diện $\geq 10\text{mm}^2$, ruột dẫn bện ép chặt cấp 2 nên đường kính danh định ghi Compact

CADI-SUN cam kết

- Sản phẩm được quản lý theo Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001
- Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng sẽ không xuất ra thị trường
- Cung ứng hàng hóa nhanh chóng, kịp thời theo đúng yêu cầu của Khách hàng
- Khách hàng có thể đặt hàng theo quy cách và tiêu chuẩn yêu cầu riêng
- Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng truy cập website: www.cadisun.com.vn

CADI-SUN, ngày 01 tháng 06 năm 2024



BẢNG GIÁ SẢN PHẨM DÂY VÀ CÁP ĐIỆN CADISUN[®]
CÁP ĐỒNG TRẦN

Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 5064 & TCVN 6612
Quy cách sản phẩm: Cu ủ mền, bện tròn cấp 2 và ép chặt với sản phẩm $\geq 10\text{mm}^2$

STT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Khối lượng gần đúng	Đơn giá (Đã bao gồm VAT 10%)		Chiều dài đóng gói (m)
		Dây pha		Trung tính			Kg/m	Giá bán sỉ (VNĐ/kg)	
		Số sợi	ĐK	Số sợi	ĐK				
1	C 1.5	7	0.52				434,123	455,830	20,000
2	C 2.5	7	0.67				432,405	454,025	15,000
3	C 4	7	0.85				431,300	452,865	15,000
4	C 6	7	1.04				430,653	452,186	15,000
5	CF 10	7	Compact				429,438	450,910	15,000
6	CF 16	7	Compact				424,473	445,697	8,000
7	CF 25	7	Compact				424,389	445,609	4,000
8	CF 35	7	Compact				424,070	445,273	4,000
9	CF 50	7	Compact				425,036	446,288	4,000
10	CF 70	19	Compact				424,438	445,660	4,000
11	CF 95	19	Compact				424,345	445,562	2,000
12	CF 120	19	Compact				424,297	445,512	2,000
13	CF 150	19	Compact				423,975	445,174	2,000
14	CF 185	37	Compact				423,961	445,159	1,500
15	CF 240	37	Compact				423,935	445,132	1,000
16	CF 300	37	Compact				423,777	444,966	1,000
17	CF 400	61	Compact				424,545	445,772	1,000
18	CF 500	61	Compact				424,818	446,059	1,000
19	CF 630	61	Compact				424,422	445,643	1,000
20	CF 800	61	Compact				424,019	445,220	1,000

Ghi chú: Các sản phẩm có tiết diện $\geq 10\text{mm}^2$, ruột dẫn bện ép chặt cấp 2 nên đường kính danh định ghi Compact

CADI-SUN cam kết

- Sản phẩm được quản lý theo Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001
- Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng sẽ không xuất ra thị trường
- Cung ứng hàng hóa nhanh chóng, kịp thời theo đúng yêu cầu của Khách hàng
- Khách hàng có thể đặt hàng theo quy cách và tiêu chuẩn yêu cầu riêng
- Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng truy cập website: www.cadisun.com.vn

CADI-SUN, ngày 01 tháng 06 năm 2024

TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN
DÂY VÀ CÁP ĐIỆN
THƯỢNG ĐÌNH HÒA
Q. THANH XUÂN - TP. HÀ NỘI

Phạm Lương Hòa

BẢNG GIÁ SẢN PHẨM DÂY VÀ CÁP ĐIỆN CADISUN[®]

CÁP ĐỒNG ĐƠN BỌC CÁCH ĐIỆN PVC

Tiêu chuẩn áp dụng: AS/NZS 5000.1:2005
Quy cách: Cu/PVC
Điện áp sử dụng: 0.6/1kV

STT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Đơn giá (Đã bao gồm VAT 10%)		Chiều dài đóng gói (m)
		Dây pha		Trung tính		Giá bán sỉ (VNĐ/m)	Giá bán lẻ (VNĐ/m)	
		Số sợi	ĐK	Số sợi	ĐK			
1	CV 1x16 (V-75)	7	Compact			61,728	64,815	100m/cuộn
2	CV 1x25 (V-75)	7	Compact			95,731	100,517	100m/cuộn
3	CV 1x35 (V-75)	7	Compact			132,268	138,882	2000m/Lô
4	CV 1x50 (V-75)	7	Compact			180,899	189,944	2000m/Lô
5	CV 1x70 (V-75)	7	Compact			258,135	271,042	2000m/Lô
6	CV 1x95 (V-75)	7	Compact			358,309	376,225	2000m/Lô
7	CV 1x120 (V-75)	7	Compact			450,392	472,912	2000m/Lô
8	CV 1x150 (V-75)	7	Compact			559,662	587,645	1000m/Lô
9	CV 1x185 (V-75)	7	Compact			696,236	731,048	1000m/Lô
10	CV 1x240 (V-75)	19	Compact			917,632	963,513	1000m/Lô
11	CV 1x300 (V-75)	19	Compact			1,148,190	1,205,600	1000m/Lô
12	CV 1x400 (V-75)	19	Compact			1,487,302	1,561,667	500m/Lô
13	CV 1x500 (V-75)	19	Compact			1,884,038	1,978,240	500m/Lô
14	CV 1x630 (V-75)	19	Compact			2,432,261	2,553,874	500m/Lô
15	CV 1x800 (V-75)	19	Compact			3,109,067	3,264,521	500m/Lô

Ghi chú: Các sản phẩm có tiết diện $\geq 10\text{mm}^2$, ruột dẫn bên ép chặt cấp 2 nên đường kính danh định ghi Compact

CADI-SUN cam kết

- Sản phẩm được quản lý theo Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001
- Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng sẽ không xuất ra thị trường
- Cung ứng hàng hóa nhanh chóng, kịp thời theo đúng yêu cầu của Khách hàng
- Khách hàng có thể đặt hàng theo quy cách và tiêu chuẩn yêu cầu riêng
- Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng truy cập website: www.cadisun.com.vn

CADI-SUN, ngày 01 tháng 06 năm 2024

TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY
CỔ PHẦN
DÂY VÀ CÁP ĐIỆN
THƯƠNG ĐÌNH HÒA
Q. THANH XUÂN - TP. HÀ NỘI

Phạm Lương Hòa

BẢNG GIÁ SẢN PHẨM DÂY VÀ CÁP ĐIỆN CADISUN®
CÁP ĐỒNG 4 RUỘT (1 LỖ TRUNG TÍNH NHỎ HƠN) BỌC CÁCH ĐIỆN PVC, BỌC VỎ PVC

Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 5935-1/ IEC 60502-1

Quy cách: Cu/PVC/PVC

Điện áp sử dụng: 0.6/1kV

STT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Đơn giá (Đã bao gồm VAT 10%)		Chiều dài đóng gói (m)
		Dây pha		Trung tính		Giá bán sỉ (VNĐ/m)	Giá bán lẻ (VNĐ/m)	
		Số sợi	ĐK	Số sợi	ĐK			
1	CVV 3x2.5+1x1.5	7	0.67	7	0.52	46,003	48,303	2,000
2	CVV 3x4+1x2.5	7	0.85	7	0.67	69,819	73,310	2,000
3	CVV 3x6+1x4	7	1.04	7	0.85	97,745	102,632	2,000
4	CVV 3x10x1x6	7	Compact	7	1.04	151,311	158,877	1,000
5	CVV 3x16+1x10	7	Compact	7	Compact	232,841	244,483	1,000
6	CVV 3x25+1x16	7	Compact	7	Compact	360,406	378,426	1,000
7	CVV 3x35+1x16	7	Compact	7	Compact	474,865	498,608	1,000
8	CVV 3x35+1x25	7	Compact	7	Compact	510,104	535,610	1,000
9	CVV 3x50+1x25	7	Compact	7	Compact	663,148	696,305	1,000
10	CVV 3x50+1x35	7	Compact	7	Compact	702,561	737,689	1,000
11	CVV 3x70+1x35	19	Compact	7	Compact	935,436	982,208	1,000
12	CVV 3x70+1x50	19	Compact	7	Compact	986,431	1,035,752	1,000
13	CVV 3x95+1x50	19	Compact	7	Compact	1,299,369	1,364,337	1,000
14	CVV 3x95+1x70	19	Compact	19	Compact	1,378,054	1,446,957	1,000
15	CVV 3x120+1x70	19	Compact	19	Compact	1,658,343	1,741,260	500
16	CVV 3x120+1x95	19	Compact	19	Compact	1,762,781	1,850,920	500
17	CVV 3x150+1x70	19	Compact	19	Compact	1,995,886	2,095,680	500
18	CVV 3x150+1x95	19	Compact	19	Compact	2,102,295	2,207,409	500
19	CVV 3x150+1x120	19	Compact	19	Compact	2,194,800	2,304,540	500
20	CVV 3x185+1x95	37	Compact	19	Compact	2,521,350	2,647,418	500
21	CVV 3x185+1x120	37	Compact	19	Compact	2,616,524	2,747,351	500
22	CVV 3x185+1x150	37	Compact	19	Compact	2,729,278	2,865,742	500
23	CVV 3x240+1x120	37	Compact	19	Compact	3,292,457	3,457,080	250
24	CVV 3x240+1x150	37	Compact	19	Compact	3,405,953	3,576,250	250
25	CVV 3x240+1x185	37	Compact	37	Compact	3,545,574	3,722,852	250
26	CVV 3x300+1x150	37	Compact	19	Compact	4,115,571	4,321,350	250
27	CVV 3x300+1x185	37	Compact	37	Compact	4,256,200	4,469,010	250
28	CVV 3x300+1x240	37	Compact	37	Compact	4,485,802	4,710,092	250
29	CVV 3x400+1x240	61	Compact	37	Compact	5,529,811	5,806,302	250
30	CVV 3x400+1x300	61	Compact	37	Compact	5,769,141	6,057,598	250

Ghi chú: Các sản phẩm có tiết diện $\geq 10\text{mm}^2$, ruột dẫn bên ép chặt cấp 2 nên đường kính danh định ghi Compact

CADI-SUN cam kết

- Sản phẩm được quản lý theo Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001
- Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng sẽ không xuất ra thị trường
- Cung ứng hàng hóa nhanh chóng, kịp thời theo đúng yêu cầu của Khách hàng
- Khách hàng có thể đặt hàng theo quy cách và tiêu chuẩn yêu cầu riêng
- Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng truy cập website: www.cadisun.com.vn

CADI-SUN, ngày 01 tháng 06 năm 2024


Phạm Lương Hòa

Bảng giá sản phẩm Cáp đồng hạ thế

BẢNG GIÁ SẢN PHẨM DÂY VÀ CÁP ĐIỆN CADISUN®

CÁP ĐỒNG ĐƠN BỌC CÁCH ĐIỆN XLPE, BỌC VỎ PVC

Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 5935-1/ IEC 60502-1
Quy cách: Cu/XLPE/PVC
Điện áp sử dụng: 0.6/1kV

STT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Đơn giá (Đã bao gồm VAT 10%)		Chiều dài đóng gói (m)
		Dây pha		Trung tính		Giá bán sỉ (VNĐ/m)	Giá bán lẻ (VNĐ/m)	
		Số sợi	ĐK	Số sợi	ĐK			
1	CXV 1x1.5	7	0.52			7,715	8,101	200m/cuộn
2	CXV 1x2.5	7	0.67			11,749	12,337	200m/cuộn
3	CXV 1x4	7	0.85			18,215	19,126	200m/cuộn
4	CXV 1x6	7	1.04			26,001	27,301	200m/cuộn
5	CXV 1x10	7	compact			41,303	43,368	200m/cuộn
6	CXV 1x16	7	compact			63,632	66,813	200m/cuộn
7	CXV 1x25	7	compact			97,876	102,770	200m/cuộn
8	CXV 1x35	7	compact			134,777	141,516	2000m/Lô
9	CXV 1x50	7	compact			183,551	192,729	2000m/Lô
10	CXV 1x70	19	compact			261,401	274,471	2000m/Lô
11	CXV 1x95	19	compact			361,749	379,836	2000m/Lô
12	CXV 1x120	19	compact			454,667	477,401	1000m/Lô
13	CXV 1x150	19	compact			564,513	592,739	1000m/Lô
14	CXV 1x185	37	compact			702,392	737,511	1000m/Lô
15	CXV 1x240	37	compact			924,004	970,204	1000m/Lô
16	CXV 1x300	37	compact			1,154,884	1,212,628	1000m/Lô
17	CXV 1x400	61	compact			1,496,041	1,570,844	500m/Lô
18	CXV 1x500	61	compact			1,893,461	1,988,134	500m/Lô
19	CXV 1x630	61	compact			2,445,886	2,568,181	500m/Lô
20	CXV 1x800	61	compact			3,126,522	3,282,848	500m/Lô

Ghi chú: Các sản phẩm có tiết diện $\geq 10\text{mm}^2$, ruột dẫn bên ép chặt cấp 2 nên đường kính danh định ghi Compact

CADI-SUN cam kết

- Sản phẩm được quản lý theo Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001
- Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng sẽ không xuất ra thị trường
- Cung ứng hàng hóa nhanh chóng, kịp thời theo đúng yêu cầu của Khách hàng
- Khách hàng có thể đặt hàng theo quy cách và tiêu chuẩn yêu cầu riêng
- Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng truy cập website: www.cadisun.com.vn

CADI-SUN, ngày 01 tháng 06 năm 2024

TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY
CỔ PHẦN
DÂY VÀ CÁP ĐIỆN
THƯỢNG ĐÌNH HẠ THỂ
Đ. THANH XUÂN - TP. HÀ NỘI

Phạm Lương Hòa

BẢNG GIÁ SẢN PHẨM DÂY VÀ CÁP ĐIỆN CADISUN[®]

CÁP ĐỒNG 2 RUỘT BỌC CÁCH ĐIỆN XLPE, BỌC VỎ PVC

Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 5935-1/ IEC 60502-1

Quy cách: Cu/XLPE/PVC

Điện áp sử dụng: 0.6/1kV

STT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Đơn giá (Đã bao gồm VAT 10%)		Chiều dài đóng gói (m)
		Dây pha		Trung tính		Giá bán sỉ (VNĐ/m)	Giá bán lẻ (VNĐ/m)	
		Số sợi	ĐK	Số sợi	ĐK			
1	CXV 2x1.5	7	0.52			16,777	17,616	200m/cuộn
2	CXV 2x2.5	7	0.67			25,239	26,501	200m/cuộn
3	CXV 2x4	7	0.85			38,449	40,371	200m/cuộn
4	CXV 2x6	7	1.04			56,280	59,094	3000m/Lô
5	CXV 2x10	7	compact			87,356	91,724	2000m/Lô
6	CXV 2x16	7	compact			133,037	139,689	2000m/Lô
7	CXV 2x25	7	compact			204,987	215,236	2000m/Lô
8	CXV 2x35	7	compact			280,549	294,576	1000m/Lô
9	CXV 2x50	19	compact			380,547	399,574	1000m/Lô
10	CXV 2x70	19	compact			541,402	568,472	1000m/Lô
11	CXV 2x95	19	compact			746,456	783,779	1000m/Lô
12	CXV 2x120	19	compact			928,356	974,774	1000m/Lô
13	CXV 2x150	19	compact			1,152,555	1,210,183	500m/Lô

Ghi chú: Các sản phẩm có tiết diện $\geq 10\text{mm}^2$, ruột dẫn bện ép chặt cấp 2 nên đường kính danh định ghi Compact

CADI-SUN cam kết

- Sản phẩm được quản lý theo Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001
- Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng sẽ không xuất ra thị trường
- Cung ứng hàng hóa nhanh chóng, kịp thời theo đúng yêu cầu của Khách hàng
- Khách hàng có thể đặt hàng theo quy cách và tiêu chuẩn yêu cầu riêng
- Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng truy cập website: www.cadisun.com.vn

CADI-SUN, ngày 01 tháng 06 năm 2024



Phạm Lương Hòa

BẢNG GIÁ SẢN PHẨM DÂY VÀ CÁP ĐIỆN CADISUN®

CÁP ĐỒNG 3 RUỘT BỌC CÁCH ĐIỆN XLPE, BỌC VỎ PVC

Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 5935-1/ IEC 60502-1

Quy cách: Cu/XLPE/PVC

Điện áp sử dụng: 0.6/1kV

STT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Đơn giá (Đã bao gồm VAT 10%)		Chiều dài đóng gói (m)
		Dây pha		Trung tính		Giá bán sỉ (VNĐ/m)	Giá bán lẻ (VNĐ/m)	
		Số sợi	ĐK	Số sợi	ĐK			
1	CXV 3x1.5	7	0.52			25,669	26,953	2,000
2	CXV 3x2.5	7	0.67			37,685	39,569	2,000
3	CXV 3x4	7	0.85			57,608	60,489	2,000
4	CXV 3x6	7	1.04			81,506	85,582	2,000
5	CXV 3x10	7	compact			128,279	134,693	2,000
6	CXV 3x16	7	compact			194,754	204,491	2,000
7	CXV 3x25	7	compact			302,197	317,307	1,000
8	CXV 3x35	7	compact			413,520	434,196	1,000
9	CXV 3x50	7	compact			562,609	590,739	1,000
10	CXV 3x70	19	compact			801,666	841,749	1,000
11	CXV 3x95	19	compact			1,107,823	1,163,214	1,000
12	CXV 3x120	19	compact			1,378,696	1,447,631	1,000
13	CXV 3x150	19	compact			1,711,208	1,796,769	500
14	CXV 3x185	37	compact			2,126,362	2,232,680	500
15	CXV 3x240	37	compact			2,798,631	2,938,562	250
16	CXV 3x300	37	compact			3,497,001	3,671,851	250
17	CXV 3x400	61	compact			4,524,790	4,751,029	250

Ghi chú: Các sản phẩm có tiết diện $\geq 10\text{mm}^2$, ruột dẫn bện ép chặt cấp 2 nên đường kính danh định ghi Compact

CADI-SUN cam kết

- Sản phẩm được quản lý theo Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001
- Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng sẽ không xuất ra thị trường
- Cung ứng hàng hóa nhanh chóng, kịp thời theo đúng yêu cầu của Khách hàng
- Khách hàng có thể đặt hàng theo quy cách và tiêu chuẩn yêu cầu riêng
- Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng truy cập website: www.cadisun.com.vn

CADI-SUN, ngày 01 tháng 06 năm 2024

TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY
CỔ PHẦN
DÂY VÀ CÁP ĐIỆN
THƯƠNG ĐÌNH HÒA
Q. THANH XUÂN - TP. HÀ NỘI

Phạm Lương Hòa

BẢNG GIÁ SẢN PHẨM DÂY VÀ CÁP ĐIỆN CADISUN®
CÁP ĐỒNG 4 RUỘT (1 LỖ TRUNG TÍNH NHỎ HƠN) BỌC CÁCH ĐIỆN XLPE, BỌC VỎ PVC

Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 5935-1/ IEC 60502-1

Quy cách: Cu/XLPE/PVC

Điện áp sử dụng: 0.6/1kV

STT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Đơn giá (Đã bao gồm VAT 10%)		Chiều dài đóng gói (m)
		Dây pha		Trung tính		Giá bán sỉ (VNĐ/m)	Giá bán lẻ (VNĐ/m)	
		Số sợi	ĐK	Số sợi	ĐK			
1	CXV 3x2.5+1x1.5	7	0.67	7	0.52	44,931	47,177	2,000
2	CXV 3x4+1x2.5	7	0.85	7	0.67	68,961	72,409	2,000
3	CXV 3x6+1x4	7	1.04	7	0.85	98,751	103,689	2,000
4	CXV 3x10+1x6	7	Compact	7	1.04	152,890	160,534	1,000
5	CXV 3x16+1x10	7	Compact	7	Compact	236,808	248,649	1,000
6	CXV 3x25+1x16	7	Compact	7	Compact	364,209	382,420	1,000
7	CXV 3x35+1x16	7	Compact	7	Compact	475,224	498,985	1,000
8	CXV 3x35+1x25	7	Compact	7	Compact	511,404	536,974	1,000
9	CXV 3x50+1x25	7	Compact	7	Compact	660,505	693,531	1,000
10	CXV 3x50+1x35	7	Compact	7	Compact	697,737	732,624	1,000
11	CXV 3x70+1x35	19	Compact	7	Compact	935,518	982,294	1,000
12	CXV 3x70+1x50	19	Compact	7	Compact	984,659	1,033,892	1,000
13	CXV 3x95+1x50	19	Compact	7	Compact	1,278,319	1,342,235	1,000
14	CXV 3x95+1x70	19	Compact	19	Compact	1,357,691	1,425,575	1,000
15	CXV 3x120+1x70	19	Compact	19	Compact	1,638,874	1,720,818	500
16	CXV 3x120+1x95	19	Compact	19	Compact	1,739,531	1,826,507	500
17	CXV 3x150+1x70	19	Compact	19	Compact	1,968,957	2,067,404	500
18	CXV 3x150+1x95	19	Compact	19	Compact	2,069,555	2,173,033	500
19	CXV 3x150+1x120	19	Compact	19	Compact	2,163,578	2,271,757	500
20	CXV 3x185+1x95	37	Compact	19	Compact	2,487,466	2,611,839	500
21	CXV 3x185+1x120	37	Compact	19	Compact	2,582,480	2,711,604	500
22	CXV 3x185+1x150	37	Compact	19	Compact	2,692,568	2,827,197	500
23	CXV 3x240+1x120	37	Compact	19	Compact	3,250,509	3,413,035	250
24	CXV 3x240+1x150	37	Compact	19	Compact	3,360,748	3,528,786	250
25	CXV 3x240+1x185	37	Compact	37	Compact	3,498,797	3,673,737	250
26	CXV 3x300+1x150	37	Compact	19	Compact	4,056,004	4,258,805	250
27	CXV 3x300+1x185	37	Compact	37	Compact	4,195,432	4,405,204	250
28	CXV 3x300+1x240	37	Compact	37	Compact	4,418,877	4,639,820	250
29	CXV 3x400+1x240	61	Compact	37	Compact	5,453,456	5,726,129	250
30	CXV 3x400+1x300	61	Compact	37	Compact	5,685,344	5,969,612	250

Ghi chú: Các sản phẩm có tiết diện $\geq 10\text{mm}^2$, ruột dẫn bên ép chặt cấp 2 nên đường kính danh định ghi Compact

CADI-SUN cam kết

- Sản phẩm được quản lý theo Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001
- Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng sẽ không xuất ra thị trường
- Cung ứng hàng hóa nhanh chóng, kịp thời theo đúng yêu cầu của Khách hàng
- Khách hàng có thể đặt hàng theo quy cách và tiêu chuẩn yêu cầu riêng
- Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng truy cập website: www.cadisun.com.vn

CADI-SUN, ngày 01 tháng 06 năm 2024


Phạm Lương Hòa

Bảng giá sản phẩm Cáp đồng hạ thế

BẢNG GIÁ SẢN PHẨM DÂY VÀ CÁP ĐIỆN CADISUN®

CÁP ĐỒNG 4 RUỘT BỌC CÁCH ĐIỆN XLPE, BỌC VỎ PVC

Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 5935-1/ IEC 60502-1

Quy cách: Cu/XLPE/PVC

Điện áp sử dụng: 0.6/1kV

STT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Đơn giá (Đã bao gồm VAT 10%)		Chiều dài đóng gói (m)
		Dây pha		Trung tính		Giá bán sỉ (VNĐ/m)	Giá bán lẻ (VNĐ/m)	
		Số sợi	ĐK	Số sợi	ĐK			
1	CXV 4x1.5	7	0.52			32,425	34,047	2,000
2	CXV 4x2.5	7	0.67			49,026	51,477	2,000
3	CXV 4x4	7	0.85			74,736	78,472	2,000
4	CXV 4x6	7	1.04			106,699	112,034	2,000
5	CXV 4x10	7	compact			168,595	177,024	2,000
6	CXV 4x16	7	compact			257,112	269,967	1,000
7	CXV 4x25	7	compact			399,661	419,645	1,000
8	CXV 4x35	7	compact			548,477	575,900	1,000
9	CXV 4x50	7	compact			746,816	784,156	1,000
10	CXV 4x70	19	compact			1,065,335	1,118,602	1,000
11	CXV 4x95	19	compact			1,459,076	1,532,030	500
12	CXV 4x120	19	compact			1,832,552	1,924,179	500
13	CXV 4x150	19	compact			2,276,000	2,389,800	500
14	CXV 4x185	37	compact			2,831,555	2,973,133	500
15	CXV 4x240	37	compact			3,722,188	3,908,298	250
16	CXV 4x300	37	compact			4,651,787	4,884,376	250
17	CXV 4x400	61	compact			6,023,971	6,325,170	200

Ghi chú: Các sản phẩm có tiết diện $\geq 10\text{mm}^2$, ruột dẫn bên ép chặt cấp 2 nên đường kính danh định ghi Compact

CADI-SUN cam kết

- Sản phẩm được quản lý theo Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001
- Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng sẽ không xuất ra thị trường
- Cung ứng hàng hóa nhanh chóng, kịp thời theo đúng yêu cầu của Khách hàng
- Khách hàng có thể đặt hàng theo quy cách và tiêu chuẩn yêu cầu riêng
- Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng truy cập website: www.cadisun.com.vn

CADI-SUN, ngày 01 tháng 06 năm 2024

TỔNG GIÁM ĐỐC

Phạm Lương Hòa

BẢNG GIÁ SẢN PHẨM DÂY VÀ CÁP ĐIỆN CADISUN®

CÁP ĐỒNG 5 RUỘT (1 LỖ TRUNG TÍNH VÀ 1 LỖ TIẾP ĐẤT NHỎ HƠN) BỌC CÁCH ĐIỆN XLPE, BỌC VỎ PVC

Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 5935-1/IEC 60502-1
Quy cách: Cu/XLPE/PVC
Điện áp sử dụng: 0.6/1kV

STT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Đơn giá (Đã bao gồm VAT 10%)		Chiều dài đóng gói (m)
		Dây pha		Trung tính		Giá bán sỉ (VNĐ/m)	Giá bán lẻ (VNĐ/m)	
		Số sợi	ĐK	Số sợi	ĐK			
1	CXV 3x2.5+2x1.5	7	0.67	7	0.52	52,694	55,328	2,000
2	CXV 3x4+2x2.5	7	0.85	7	0.67	81,125	85,181	2,000
3	CXV 3x6+2x4	7	1.04	7	0.85	117,478	123,352	2,000
4	CXV 3x10+2x6	7	Compact	7	1.04	180,164	189,172	1,000
5	CXV 3x16+2x10	7	Compact	7	Compact	280,211	294,222	1,000
6	CXV 3x25+2x16	7	Compact	7	Compact	430,218	451,729	1,000
7	CXV 3x35+2x16	7	Compact	7	Compact	542,637	569,769	1,000
8	CXV 3x35+2x25	7	Compact	7	Compact	613,803	644,493	1,000
9	CXV 3x50+2x25	7	Compact	7	Compact	764,131	802,337	1,000
10	CXV 3x50+2x35	7	Compact	7	Compact	839,694	881,678	1,000
11	CXV 3x70+2x35	19	Compact	7	Compact	1,079,387	1,133,357	1,000
12	CXV 3x70+2x50	19	Compact	7	Compact	1,178,393	1,237,312	1,000
13	CXV 3x95+2x50	19	Compact	7	Compact	1,471,068	1,544,622	1,000
14	CXV 3x95+2x70	19	Compact	19	Compact	1,627,132	1,708,489	1,000
15	CXV 3x120+2x70	19	Compact	19	Compact	1,911,691	2,007,275	500
16	CXV 3x120+2x95	19	Compact	19	Compact	2,115,681	2,221,465	500
17	CXV 3x150+2x70	19	Compact	19	Compact	2,246,447	2,358,770	500
18	CXV 3x150+2x95	19	Compact	19	Compact	2,449,714	2,572,200	500
19	CXV 3x150+2x120	19	Compact	19	Compact	2,635,833	2,767,624	500
20	CXV 3x185+2x95	37	Compact	19	Compact	2,866,334	3,009,651	500
21	CXV 3x185+2x120	37	Compact	19	Compact	3,052,645	3,205,277	500
22	CXV 3x185+2x150	37	Compact	19	Compact	3,274,005	3,437,706	500
23	CXV 3x240+2x120	37	Compact	19	Compact	3,724,429	3,910,651	250
24	CXV 3x240+2x150	37	Compact	19	Compact	3,950,804	4,148,344	250
25	CXV 3x240+2x185	37	Compact	37	Compact	4,227,143	4,438,500	250
26	CXV 3x300+2x150	37	Compact	19	Compact	4,652,778	4,885,417	250
27	CXV 3x300+2x185	37	Compact	37	Compact	4,930,837	5,177,379	250
28	CXV 3x300+2x240	37	Compact	37	Compact	5,381,008	5,650,058	250
29	CXV 3x400+2x240	61	Compact	37	Compact	6,411,929	6,732,525	250
30	CXV 3x400+2x300	61	Compact	37	Compact	6,881,113	7,225,169	250

Ghi chú: Các sản phẩm có tiết diện $\geq 10\text{mm}^2$, ruột dẫn bện ép chặt cấp 2 nên đường kính danh định ghi Compact

CADI-SUN cam kết

- Sản phẩm được quản lý theo Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001
- Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng sẽ không xuất ra thị trường
- Cung ứng hàng hóa nhanh chóng, kịp thời theo đúng yêu cầu của Khách hàng
- Khách hàng có thể đặt hàng theo quy cách và tiêu chuẩn yêu cầu riêng
- Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng truy cập website: www.cadisun.com.vn

CADI-SUN, ngày 01 tháng 06 năm 2024



Phạm Lương Hòa
Bảng giá sản phẩm Cáp đồng hạ thế

BẢNG GIÁ SẢN PHẨM DÂY VÀ CÁP ĐIỆN CADISUN[®]

CÁP ĐIỆN KẾ 2 RUỘT BỌC CÁCH ĐIỆN XLPE, BỌC VỎ PVC

Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 5935-1/ IEC 60502-1
Quy cách: Cu/XLPE/PVC/DATA/PVC
Điện áp sử dụng: 0.6/1kV

STT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Đơn giá (Đã bao gồm VAT 10%)		Chiều dài đóng gói (m)
		Dây pha		Trung tính		Giá bán sỉ (VNĐ/m)	Giá bán lẻ (VNĐ/m)	
		Số sợi	ĐK	Số sợi	ĐK			
1	MULLER 2x4.0	7	0.85			46,668	49,002	1,000
2	MULLER 2x6.0	7	1.04			64,191	67,401	1,000
3	MULLER 2x7.0	7	1.13			73,202	76,862	1,000
4	MULLER 2x10	7	Compact			95,635	100,416	1,000
5	MULLER 2x11	7	Compact			100,948	105,996	1,000
6	MULLER 2x16	7	Compact			142,404	149,525	1,000
7	MULLER 2x25	7	Compact			215,889	226,683	1,000

CÁP NGẮM 1 RUỘT BỌC CÁCH ĐIỆN XLPE, BỌC VỎ PVC

Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 5935-1/ IEC 60502-1
Quy cách: Cu/XLPE/PVC/DATA/PVC
Điện áp sử dụng: 0.6/1kV

STT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Đơn giá (Đã bao gồm VAT 10%)		Chiều dài đóng gói (m)
		Dây pha		Trung tính		Giá bán sỉ (VNĐ/m)	Giá bán lẻ (VNĐ/m)	
		Số sợi	ĐK	Số sợi	ĐK			
1	DATA 1x10	7	compact			54,500	57,225	200/cuộn
2	DATA 1x16	7	compact			78,936	82,883	2000m/Lô
3	DATA 1x25	7	compact			116,596	122,426	2000m/Lô
4	DATA 1x35	7	compact			155,180	162,939	2000m/Lô
5	DATA 1x50	7	compact			204,259	214,472	2000m/Lô
6	DATA 1x70	19	compact			285,403	299,673	2000m/Lô
7	DATA 1x95	19	compact			385,610	404,891	1000m/Lô
8	DATA 1x120	19	compact			480,254	504,267	1000m/Lô
9	DATA 1x150	19	compact			592,287	621,901	1000m/Lô
10	DATA 1x185	37	compact			732,078	768,682	1000m/Lô
11	DATA 1x240	37	compact			957,741	1,005,628	1000m/Lô
12	DATA 1x300	37	compact			1,193,937	1,253,633	500m/Lô
13	DATA 1x400	61	compact			1,539,631	1,616,612	500m/Lô

Ghi chú: Các sản phẩm có tiết diện $\geq 10\text{mm}^2$, ruột dẫn bên ép chặt cấp 2 nên đường kính danh định ghi Compact

CADI-SUN cam kết

- Sản phẩm được quản lý theo Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001
- Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng sẽ không xuất ra thị trường
- Cung ứng hàng hóa nhanh chóng, kịp thời theo đúng yêu cầu của Khách hàng
- Khách hàng có thể đặt hàng theo quy cách và tiêu chuẩn yêu cầu riêng
- Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng truy cập website: www.cadisun.com.vn

CADI-SUN, ngày 01 tháng 06 năm 2024



BẢNG GIÁ SẢN PHẨM DÂY VÀ CÁP ĐIỆN CADISUN[®]

CÁP NGẮM 2 RUỘT BỌC CÁCH ĐIỆN XLPE, BỌC VỎ PVC

Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 5935-1/ IEC 60502-1

Quy cách: Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC

Điện áp sử dụng: 0.6/1kV

STT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Đơn giá (Đã bao gồm VAT 10%)		Chiều dài đóng gói (m)
		Dây pha		Trung tính		Giá bán sỉ (VNĐ/m)	Giá bán lẻ (VNĐ/m)	
		Số sợi	ĐK	Số sợi	ĐK			
1	DSTA 2x1.5	7	0.52			25,565	26,844	2,000
2	DSTA 2x2.5	7	0.67			34,857	36,600	2,000
3	DSTA 2x4	7	0.85			48,803	51,243	2,000
4	DSTA 2x6	7	1.04			65,921	69,217	2,000
5	DSTA 2x10	7	compact			98,229	103,140	2,000
6	DSTA 2x16	7	compact			145,876	153,170	1,000
7	DSTA 2x25	7	compact			218,777	229,716	1,000
8	DSTA 2x35	7	compact			294,901	309,646	1,000
9	DSTA 2x50	7	compact			398,132	418,038	1,000
10	DSTA 2x70	19	compact			562,470	590,594	1,000
11	DSTA 2x95	19	compact			778,480	817,404	1,000
12	DSTA 2x120	19	compact			970,500	1,019,025	500
13	DSTA 2x150	19	compact			1,202,391	1,262,510	500

Ghi chú: Các sản phẩm có tiết diện $\geq 10\text{mm}^2$, ruột dẫn bện ép chặt cấp 2 nên đường kính danh định ghi Compact

CADI-SUN cam kết

- Sản phẩm được quản lý theo Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001
- Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng sẽ không xuất ra thị trường
- Cung ứng hàng hóa nhanh chóng, kịp thời theo đúng yêu cầu của Khách hàng
- Khách hàng có thể đặt hàng theo quy cách và tiêu chuẩn yêu cầu riêng
- Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng truy cập website: www.cadisun.com.vn

CADI-SUN, ngày 01 tháng 06 năm 2024

TỔNG GIÁM ĐỐC

Phạm Lương Hòa

BẢNG GIÁ SẢN PHẨM DÂY VÀ CÁP ĐIỆN CADISUN[®]

CÁP NGẮM 3 RUỘT BỌC CÁCH ĐIỆN XLPE, BỌC VỎ PVC

Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 5935-1/ IEC 60502-1

Quy cách: Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC

Điện áp sử dụng: 0.6/1kV

STT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Đơn giá (Đã bao gồm VAT 10%)		Chiều dài đóng gói (m)
		Dây pha		Trung tính		Giá bán sỉ (VNĐ/m)	Giá bán lẻ (VNĐ/m)	
		Số sợi	ĐK	Số sợi	ĐK			
1	DSTA 3x1.5	7	0.52			34,888	36,632	2,000
2	DSTA 3x2.5	7	0.67			48,283	50,697	2,000
3	DSTA 3x4.0	7	0.85			67,999	71,399	2,000
4	DSTA 3x6.0	7	1.04			91,845	96,438	2,000
5	DSTA 3x10	7	compact			139,367	146,336	1,000
6	DSTA 3x16	7	compact			209,265	219,728	1,000
7	DSTA 3x25	7	compact			316,097	331,902	1,000
8	DSTA 3x35	7	compact			429,355	450,823	1,000
9	DSTA 3x50	7	compact			581,000	610,050	1,000
10	DSTA 3x70	19	compact			825,581	866,860	1,000
11	DSTA 3x95	19	compact			1,137,632	1,194,514	500
12	DSTA 3x120	19	compact			1,422,952	1,494,100	500
13	DSTA 3x150	19	compact			1,763,699	1,851,884	500
14	DSTA 3x185	37	compact			2,185,934	2,295,231	250
15	DSTA 3x240	37	compact			2,865,930	3,009,226	250
16	DSTA 3x300	37	compact			3,570,049	3,748,552	250
17	DSTA 3x400	61	compact			4,616,660	4,847,493	250

Ghi chú: Các sản phẩm có tiết diện $\geq 10\text{mm}^2$, ruột dẫn bên ép chặt cáp 2 nèn đường kính danh định ghi Compact

CADI-SUN cam kết

- Sản phẩm được quản lý theo Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001
- Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng sẽ không xuất ra thị trường
- Cung ứng hàng hóa nhanh chóng, kịp thời theo đúng yêu cầu của Khách hàng
- Khách hàng có thể đặt hàng theo quy cách và tiêu chuẩn yêu cầu riêng
- Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng truy cập website: www.cadisun.com.vn

CADI-SUN, ngày 01 tháng 06 năm 2024

TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY
CỔ PHẦN
DÂY VÀ CÁP ĐIỆN
THƯỢNG ĐÌNH HÒA
Q. THANH XUÂN - TP. HÀ NỘI

Phạm Lương Hòa

BẢNG GIÁ SẢN PHẨM DÂY VÀ CÁP ĐIỆN CADISUN®

CÁP NGẦM 4 RUỘT (1 LỖI TRUNG TÍNH NHỎ HƠN) BỌC CÁCH ĐIỆN XLPE, BỌC VỎ PVC

Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 5935-1/ IEC 60502-1

Quy cách: Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC

Điện áp sử dụng: 0.6/1kV

STT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Đơn giá (Đã bao gồm VAT 10%)		Chiều dài đóng gói (m)
		Dây pha		Trung tính		Giá bán sỉ (VNĐ/m)	Giá bán lẻ (VNĐ/m)	
		Số sợi	ĐK	Số sợi	ĐK			
1	DSTA 3x2.5+1x1.5	7	0.67	7	0.52	54,624	57,355	2,000
2	DSTA 3x4.0+1x2.5	7	0.85	7	0.67	79,555	83,533	2,000
3	DSTA 3x6.0+1x4.0	7	1.04	7	0.85	109,416	114,887	2,000
4	DSTA 3x10+1x6.0	7	Compact	7	1.04	164,827	173,069	1,000
5	DSTA 3x16+1x10	7	Compact	7	Compact	250,335	262,852	1,000
6	DSTA 3x25+1x16	7	Compact	7	Compact	378,825	397,766	1,000
7	DSTA 3x35+1x16	7	Compact	7	Compact	491,537	516,114	1,000
8	DSTA 3x35+1x25	7	Compact	7	Compact	529,032	555,483	1,000
9	DSTA 3x50+1x25	7	Compact	7	Compact	678,889	712,833	1,000
10	DSTA 3x50+1x35	7	Compact	7	Compact	718,625	754,556	1,000
11	DSTA 3x70+1x35	19	Compact	7	Compact	974,508	1,023,233	1,000
12	DSTA 3x70+1x50	19	Compact	7	Compact	1,024,764	1,076,003	1,000
13	DSTA 3x95+1x50	19	Compact	7	Compact	1,320,837	1,386,879	1,000
14	DSTA 3x95+1x70	19	Compact	19	Compact	1,400,822	1,470,864	1,000
15	DSTA 3x120+1x70	19	Compact	19	Compact	1,686,827	1,771,169	500
16	DSTA 3x120+1x95	19	Compact	19	Compact	1,789,667	1,879,150	500
17	DSTA 3x150+1x70	19	Compact	19	Compact	2,024,611	2,125,842	500
18	DSTA 3x150+1x95	19	Compact	19	Compact	2,127,756	2,234,144	500
19	DSTA 3x150+1x120	19	Compact	19	Compact	2,221,703	2,332,788	500
20	DSTA 3x185+1x95	37	Compact	19	Compact	2,548,533	2,675,959	500
21	DSTA 3x185+1x120	37	Compact	19	Compact	2,646,376	2,778,694	500
22	DSTA 3x185+1x150	37	Compact	19	Compact	2,758,054	2,895,957	500
23	DSTA 3x240+1x120	37	Compact	19	Compact	3,318,233	3,484,145	250
24	DSTA 3x240+1x150	37	Compact	19	Compact	3,431,302	3,602,867	250
25	DSTA 3x240+1x185	37	Compact	37	Compact	3,570,877	3,749,420	250
26	DSTA 3x300+1x150	37	Compact	19	Compact	4,133,316	4,339,981	250
27	DSTA 3x300+1x185	37	Compact	37	Compact	4,278,933	4,492,879	250
28	DSTA 3x300+1x240	37	Compact	37	Compact	4,503,578	4,728,757	250
29	DSTA 3x400+1x240	61	Compact	37	Compact	5,543,905	5,821,101	250
30	DSTA 3x400+1x300	61	Compact	37	Compact	5,778,955	6,067,903	250

Ghi chú: Các sản phẩm có tiết diện $\geq 10\text{mm}^2$, ruột dẫn bện ép chặt cấp 2 nên đường kính danh định ghi Compact

CADI-SUN cam kết

- Sản phẩm được quản lý theo Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001
- Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng sẽ không xuất ra thị trường
- Cung ứng hàng hóa nhanh chóng, kịp thời theo đúng yêu cầu của Khách hàng
- Khách hàng có thể đặt hàng theo quy cách và tiêu chuẩn yêu cầu riêng
- Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng truy cập website: www.cadisun.com.vn

CADI-SUN, ngày 01 tháng 06 năm 2024

TỔNG GIÁM ĐỐC



Phạm Lương Hòa

Bảng giá sản phẩm Cáp đồng hạ thế

BẢNG GIÁ SẢN PHẨM DÂY VÀ CÁP ĐIỆN CADISUN[®]

CÁP NGẮM 4 RUỘT BỌC CÁCH ĐIỆN XLPE, BỌC VỎ PVC

Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 5935-1/ IEC 60502-1

Quy cách: Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC

Điện áp sử dụng: 0.6/1kV

STT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Đơn giá (Đã bao gồm VAT 10%)		Chiều dài đóng gói (m)
		Dây pha		Trung tính		Giá bán sỉ (VNĐ/m)	Giá bán lẻ (VNĐ/m)	
		Số sợi	ĐK	Số sợi	ĐK			
1	DSTA 4x1.5	7	0.52			42,007	44,108	2,000
2	DSTA 4x2.5	7	0.67			59,287	62,252	2,000
3	DSTA 4x4.0	7	0.85			85,178	89,437	2,000
4	DSTA 4x6.0	7	1.04			117,819	123,710	2,000
5	DSTA 4x10	7	compact			181,002	190,053	1,000
6	DSTA 4x16	7	compact			273,594	287,274	1,000
7	DSTA 4x25	7	compact			415,298	436,063	1,000
8	DSTA 4x35	7	compact			566,568	594,897	1,000
9	DSTA 4x50	7	compact			768,407	806,828	1,000
10	DSTA 4x70	19	compact			1,105,767	1,161,056	500
11	DSTA 4x95	19	compact			1,502,950	1,578,098	500
12	DSTA 4x120	19	compact			1,883,278	1,977,442	500
13	DSTA 4x150	19	compact			2,333,780	2,450,469	250
14	DSTA 4x185	37	compact			2,897,559	3,042,437	250
15	DSTA 4x240	37	compact			3,796,131	3,985,938	250
16	DSTA 4x300	37	compact			4,740,004	4,977,005	250
17	DSTA 4x400	61	compact			6,161,663	6,469,746	250

Ghi chú: Các sản phẩm có tiết diện $\geq 10\text{mm}^2$, ruột dẫn bên ép chặt cấp 2 nên đường kính danh định ghi Compact

CADI-SUN cam kết

- Sản phẩm được quản lý theo Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001
- Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng sẽ không xuất ra thị trường
- Cung ứng hàng hóa nhanh chóng, kịp thời theo đúng yêu cầu của Khách hàng
- Khách hàng có thể đặt hàng theo quy cách và tiêu chuẩn yêu cầu riêng
- Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng truy cập website: www.cadisun.com.vn

CADI-SUN, ngày 01 tháng 06 năm 2024

TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY
CỔ PHẦN
DÂY VÀ CÁP ĐIỆN
THƯƠNG ĐÌNH HÒA
Q. THANH XUÂN - TP. HÀ NỘI

Phạm Lương Hòa

BẢNG GIÁ SẢN PHẨM DÂY VÀ CÁP ĐIỆN CADISUN[®]**CÁP NGẦM 5 RUỘT (1 LỖ TRUNG TÍNH VÀ 1 LỖ TIẾP ĐẤT NHỎ HƠN) BỌC CÁCH ĐIỆN XLPE, BỌC VỎ PVC**Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 5935-1/ IEC 60502-1
Quy cách: Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC
Điện áp sử dụng: 0.6/1kV

STT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Đơn giá (Đã bao gồm VAT 10%)		Chiều dài đóng gói (m)
		Dây pha		Trung tính		Giá bán sỉ (VNĐ/m)	Giá bán lẻ (VNĐ/m)	
		Số sợi	ĐK	Số sợi	ĐK			
1	DSTA 3x2.5+2x1.5	7	0.67	7	0.52	63,185	66,345	2,000
2	DSTA 3x4.0+2x2.5	7	0.85	7	0.67	92,603	97,233	2,000
3	DSTA 3x6.0+2x4.0	7	1.04	7	0.85	131,215	137,775	2,000
4	DSTA 3x10+2x6.0	7	Compact	7	1.04	196,109	205,915	1,000
5	DSTA 3x16+2x10	7	Compact	7	Compact	298,456	313,378	1,000
6	DSTA 3x25+2x16	7	Compact	7	Compact	448,577	471,006	1,000
7	DSTA 3x35+2x16	7	Compact	7	Compact	563,466	591,640	1,000
8	DSTA 3x35+2x25	7	Compact	7	Compact	635,859	667,652	1,000
9	DSTA 3x50+2x25	7	Compact	7	Compact	803,811	844,002	1,000
10	DSTA 3x50+2x35	7	Compact	7	Compact	879,602	923,582	1,000
11	DSTA 3x70+2x35	19	Compact	7	Compact	1,123,581	1,179,760	1,000
12	DSTA 3x70+2x50	19	Compact	7	Compact	1,225,387	1,286,657	1,000
13	DSTA 3x95+2x50	19	Compact	7	Compact	1,524,014	1,600,215	1,000
14	DSTA 3x95+2x70	19	Compact	19	Compact	1,684,822	1,769,063	1,000
15	DSTA 3x120+2x70	19	Compact	19	Compact	1,970,408	2,068,929	500
16	DSTA 3x120+2x95	19	Compact	19	Compact	2,179,111	2,288,066	500
17	DSTA 3x150+2x70	19	Compact	19	Compact	2,312,861	2,428,504	500
18	DSTA 3x150+2x95	19	Compact	19	Compact	2,516,565	2,642,393	500
19	DSTA 3x150+2x120	19	Compact	19	Compact	2,704,711	2,839,947	500
20	DSTA 3x185+2x95	37	Compact	19	Compact	2,939,597	3,086,577	500
21	DSTA 3x185+2x120	37	Compact	19	Compact	3,127,826	3,284,217	500
22	DSTA 3x185+2x150	37	Compact	19	Compact	3,354,016	3,521,717	500
23	DSTA 3x240+2x120	37	Compact	19	Compact	3,812,108	4,002,713	250
24	DSTA 3x240+2x150	37	Compact	19	Compact	4,036,862	4,238,705	250
25	DSTA 3x240+2x185	37	Compact	37	Compact	4,321,487	4,537,562	250
26	DSTA 3x300+2x150	37	Compact	19	Compact	4,787,961	5,027,359	250
27	DSTA 3x300+2x185	37	Compact	37	Compact	5,068,015	5,321,416	250
28	DSTA 3x300+2x240	37	Compact	37	Compact	5,519,459	5,795,432	250
29	DSTA 3x400+2x240	61	Compact	37	Compact	6,570,754	6,899,292	250
30	DSTA 3x400+2x300	61	Compact	37	Compact	7,048,828	7,401,270	250

Ghi chú: Các sản phẩm có tiết diện $\geq 10\text{mm}^2$, ruột dẫn bện ép chặt cấp 2 nên đường kính danh định ghi Compact**CADI-SUN cam kết**

- Sản phẩm được quản lý theo Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001
- Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng sẽ không xuất ra thị trường
- Cung ứng hàng hóa nhanh chóng, kịp thời theo đúng yêu cầu của Khách hàng
- Khách hàng có thể đặt hàng theo quy cách và tiêu chuẩn yêu cầu riêng
- Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng truy cập website: www.cadisun.com.vn

CADI-SUN, ngày 01 tháng 06 năm 2024



Phạm Lương Hòa



CADI-SUN[®]

Dây điện tốt. Cáp điện bền

CHẤT LƯỢNG



CÁP CHẬM CHÁY, CHỐNG CHÁY



BẢNG GIÁ SẢN PHẨM DÂY VÀ CÁP ĐIỆN CADISUN®
CÁP CHẬM CHÁY, MỘT LỖI, KHÔNG GIÁP, BỌC CÁCH ĐIỆN PVC
Tiêu chuẩn áp dụng: AS/NZS 5000.1:2005; IEC 60332

Quy cách sản phẩm: Cu/Fr-PVC

Điện áp sử dụng: 0.6/1KV

STT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Đơn giá (Đã bao gồm VAT 10%)		Chiều dài đóng gói (m)
		Dây pha		Trung tính		Giá bán sỉ (VNĐ/m)	Giá bán lẻ (VNĐ/m)	
		Số sợi	ĐK	Số sợi	ĐK			
1	FSN-CV 1.5 (V-75 Cam 1)	7	0.52			6,661	6,994	100
2	FSN-CV 2.5 (V-75 Cam 1)	7	0.67			10,631	11,163	100
3	FSN-CV 4.0 (V-75 Cam 1)	7	0.85			17,134	17,990	100
4	FSN-CV 6.0 (V-75 Cam 1)	7	1.04			24,826	26,067	100
5	FSN-CV 10 (V-75 Cam 1)	7	compact			39,899	41,894	100
6	FSN-CV 16 (V-75 Cam 1)	7	compact			61,942	65,039	100
7	FSN-CV 25 (V-75 Cam 1)	7	compact			96,889	101,733	100
8	FSN-CV 35 (V-75 Cam 1)	7	compact			133,636	140,318	2,000
9	FSN-CV 50 (V-75 Cam 1)	7	compact			182,784	191,923	2,000
10	FSN-CV 70 (V-75 Cam 1)	19	compact			260,377	273,395	2,000
11	FSN-CV 95 (V-75 Cam 1)	19	compact			361,297	379,362	2,000
12	FSN-CV 120 (V-75 Cam 1)	19	compact			453,749	476,436	1,000
13	FSN-CV 150 (V-75 Cam 1)	19	compact			563,873	592,067	1,000
14	FSN-CV 185 (V-75 Cam 1)	37	compact			701,176	736,235	1,000
15	FSN-CV 240 (V-75 Cam 1)	37	compact			923,895	970,090	1,000
16	FSN-CV 300 (V-75 Cam 1)	37	compact			1,156,177	1,213,986	1,000
17	FSN-CV 400 (V-75 Cam 1)	61	compact			1,496,467	1,571,290	500
18	FSN-CV 500 (V-75 Cam 1)	61	compact			1,895,347	1,990,115	500
19	FSN-CV 630 (V-75 Cam 1)	61	compact			2,445,334	2,567,601	500
20	FSN-CV 800 (V-75 Cam 1)	61	compact			3,123,449	3,279,622	500

Ghi chú: Các sản phẩm có tiết diện $\geq 10\text{mm}^2$, ruột dẫn bên ép chặt cấp 2 nên đường kính danh định ghi Compact

CADI-SUN cam kết

- Sản phẩm được quản lý theo Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001
- Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng sẽ không xuất ra thị trường
- Cung ứng hàng hóa nhanh chóng, kịp thời theo đúng yêu cầu của Khách hàng
- Khách hàng có thể đặt hàng theo quy cách và tiêu chuẩn yêu cầu riêng
- Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng truy cập website: www.cadisun.com.vn

CADI-SUN, ngày 01 tháng 06 năm 2024


TỔNG GIÁM ĐỐC
 CÔNG TY
 CỔ PHẦN
 DÂY VÀ CÁP ĐIỆN
 THƯỢNG ĐÌNH
 Q. THANH XUÂN - TP. HÀ NỘI
 Phan Lương Hòa

BẢNG GIÁ SẢN PHẨM DÂY VÀ CÁP ĐIỆN CADISUN®

CÁP CHẬM CHÁY, MỘT LỖI, BỌC CÁCH ĐIỆN XLPE, BỌC VỎ PVC

Tiêu chuẩn áp dụng: IEC 60502-1 /IEC 60332

Quy cách sản phẩm: Cu/XLPE/Fr-PVC

Điện áp sử dụng: 0.6/1KV

STT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Đơn giá (Đã bao gồm VAT 10%)		Chiều dài đóng gói (m)
		Dây pha		Trung tính		Giá bán sỉ (VNĐ/m)	Giá bán lẻ (VNĐ/m)	
		Số sợi	ĐK	Số sợi	ĐK			
1	FSN-CXV 1x1.5	7	0.52			8,555	8,983	200m/cuộn
2	FSN-CXV 1x2.5	7	0.67			12,665	13,299	200m/cuộn
3	FSN-CXV 1x4.0	7	0.85			19,242	20,204	200m/cuộn
4	FSN-CXV 1x6.0	7	1.04			26,875	28,219	200m/cuộn
5	FSN-CXV 1x10	7	compact			42,137	44,244	200m/cuộn
6	FSN-CXV 1x16	7	compact			64,432	67,654	200m/cuộn
7	FSN-CXV 1x25	7	compact			99,556	104,534	200m/cuộn
8	FSN-CXV 1x35	7	compact			136,657	143,490	2000m/lô
9	FSN-CXV 1x50	7	compact			185,661	194,944	2000m/lô
10	FSN-CXV 1x70	19	compact			263,898	277,093	2000m/lô
11	FSN-CXV 1x95	19	compact			364,752	382,990	2000m/lô
12	FSN-CXV 1x120	19	compact			457,966	480,864	1000m/lô
13	FSN-CXV 1x150	19	compact			568,426	596,847	1000m/lô
14	FSN-CXV 1x185	37	compact			706,966	742,315	1000m/lô
15	FSN-CXV 1x240	37	compact			929,007	975,457	1000m/lô
16	FSN-CXV 1x300	37	compact			1,160,766	1,218,804	1000m/lô
17	FSN-CXV 1x400	61	compact			1,503,438	1,578,610	500m/lô
18	FSN-CXV 1x500	61	compact			1,902,248	1,997,361	500m/lô
19	FSN-CXV 1x630	61	compact			2,456,299	2,579,113	500m/lô
20	FSN-CXV 1x800	61	compact			3,139,255	3,296,218	500m/lô

Ghi chú: Các sản phẩm có tiết diện $\geq 10\text{mm}^2$, ruột dẫn bên ép chặt cáp 2 nên đường kính danh định ghi Compact

CADI-SUN cam kết

- Sản phẩm được quản lý theo Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001
- Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng sẽ không xuất ra thị trường
- Cung ứng hàng hóa nhanh chóng, kịp thời theo đúng yêu cầu của Khách hàng
- Khách hàng có thể đặt hàng theo quy cách và tiêu chuẩn yêu cầu riêng
- Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng truy cập website: www.cadisun.com.vn

CADI-SUN, ngày 01 tháng 06 năm 2024

TỔNG GIÁM ĐỐC
CỘNG TỶ
CỔ PHẦN
DÂY VÀ CÁP ĐIỆN
THƯỢNG ĐÌNH
Q. THANH XUÂN - TP. HÀ NỘI

Phạm Lương Hòa

BẢNG GIÁ SẢN PHẨM DÂY VÀ CÁP ĐIỆN CADISUN[®]

CÁP CHẬM CHÁY, HAI LỖI, BỌC CÁCH ĐIỆN XLPE, BỌC VỎ PVC

Tiêu chuẩn áp dụng: IEC 60502-1 /IEC 60332

Quy cách sản phẩm: Cu/XLPE/Fr-PVC

Điện áp sử dụng: 0.6/1KV

STT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Đơn giá (Đã bao gồm VAT 10%)		Chiều dài đóng gói (m)
		Dây pha		Trung tính		Giá bán sỉ (VNĐ/m)	Giá bán lẻ (VNĐ/m)	
		Số sợi	ĐK	Số sợi	ĐK			
1	FSN-CXV 2x1.5 (đặc)	7	0.52			20,197	21,207	200m/cuộn
2	FSN-CXV 2x2.5 (đặc)	7	0.67			28,936	30,382	200m/cuộn
3	FSN-CXV 2x4.0 (đặc)	7	0.85			42,614	44,745	200m/cuộn
4	FSN-CXV 2x6.0	7	1.04			58,948	61,896	3000m/lô
5	FSN-CXV 2x10	7	compact			90,568	95,097	2000m/lô
6	FSN-CXV 2x16	7	compact			136,509	143,335	2000m/lô
7	FSN-CXV 2x25	7	compact			209,336	219,803	2000m/lô
8	FSN-CXV 2x35	7	compact			285,180	299,439	1000m/lô

Ghi chú: Các sản phẩm có tiết diện $\geq 10\text{mm}^2$, ruột dẫn bên ép chặt cấp 2 nên đường kính danh định ghi Compact

CADI-SUN cam kết

- Sản phẩm được quản lý theo Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001
- Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng sẽ không xuất ra thị trường
- Cung ứng hàng hóa nhanh chóng, kịp thời theo đúng yêu cầu của Khách hàng
- Khách hàng có thể đặt hàng theo quy cách và tiêu chuẩn yêu cầu riêng
- Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng truy cập website: www.cadisun.com.vn

CADI-SUN, ngày 01 tháng 06 năm 2024



Phạm Lương Hòa

CADI-SUN

BẢNG GIÁ SẢN PHẨM DÂY VÀ CÁP ĐIỆN CADISUN[®]

CÁP CHẬM CHÁY, BA LỖI, BỌC CÁCH ĐIỆN XLPE, BỌC VỎ PVC

Tiêu chuẩn áp dụng: IEC 60502-1 /IEC 60332

Quy cách sản phẩm: Cu/XLPE/Fr-PVC

Điện áp sử dụng: 0.6/1KV

STT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Đơn giá (Đã bao gồm VAT 10%)		Chiều dài đóng gói (m)
		Dây pha		Trung tính		Giá bán sỉ (VNĐ/m)	Giá bán lẻ (VNĐ/m)	
		Số sợi	ĐK	Số sợi	ĐK			
1	FSN-CXV 3x1.5	7	0.52			27,735	29,122	2,000
2	FSN-CXV 3x2.5	7	0.67			39,971	41,969	2,000
3	FSN-CXV 3x4.0	7	0.85			60,226	63,237	2,000
4	FSN-CXV 3x6.0	7	1.04			84,448	88,671	2,000
5	FSN-CXV 3x10	7	compact			131,538	138,114	2,000
6	FSN-CXV 3x16	7	compact			196,544	206,371	2,000
7	FSN-CXV 3x25	7	compact			303,633	318,814	1,000
8	FSN-CXV 3x35	7	compact			414,399	435,119	1,000
9	FSN-CXV 3x50	7	compact			562,716	590,852	1,000
10	FSN-CXV 3x70	19	compact			801,225	841,286	1,000
11	FSN-CXV 3x95	19	compact			1,105,701	1,160,986	1,000
12	FSN-CXV 3x120	19	compact			1,388,664	1,458,097	1,000
13	FSN-CXV 3x150	19	compact			1,723,372	1,809,540	500
14	FSN-CXV 3x185	37	compact			2,140,312	2,247,328	500
15	FSN-CXV 3x240	37	compact			2,815,630	2,956,411	250
16	FSN-CXV 3x300	37	compact			3,517,044	3,692,896	250
17	FSN-CXV 3x400	61	compact			4,548,793	4,776,232	250

Ghi chú: Các sản phẩm có tiết diện $\geq 10\text{mm}^2$, ruột dẫn bên ép chặt cấp 2 nên đường kính danh định ghi Compact

CADI-SUN cam kết

- Sản phẩm được quản lý theo Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001
- Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng sẽ không xuất ra thị trường
- Cung ứng hàng hóa nhanh chóng, kịp thời theo đúng yêu cầu của Khách hàng
- Khách hàng có thể đặt hàng theo quy cách và tiêu chuẩn yêu cầu riêng
- Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng truy cập website: www.cadisun.com.vn

CADI-SUN, ngày 01 tháng 06 năm 2024



Phạm Lương Hòa

BẢNG GIÁ SẢN PHẨM DÂY VÀ CÁP ĐIỆN CADISUN®
CÁP CHẬM CHÁY, BỐN LỖI (MỘT LỖI TRUNG TÍNH NHỎ HƠN, BỌC VỎ PVC)

Tiêu chuẩn áp dụng: IEC 60502-1 /IEC 60332

Quy cách sản phẩm: Cu/XLPE/Fr-PVC

Điện áp sử dụng: 0.6/1KV

STT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Đơn giá (Đã bao gồm VAT 10%)		Chiều dài đóng gói (m)
		Dây pha		Trung tính		Giá bán sỉ (VNĐ/m)	Giá bán lẻ (VNĐ/m)	
		Số sợi	ĐK	Số sợi	ĐK			
1	FSN-CXV 3x2.5+1x1.5	7	0.67	7	0.52	47,398	49,768	2,000
2	FSN-CXV 3x4.0+1x2.5	7	0.85	7	0.67	71,764	75,352	2,000
3	FSN-CXV 3x6.0+1x4.0	7	1.04	7	0.85	101,889	106,984	2,000
4	FSN-CXV 3x10x1x6.0	7	compact	7	1.04	156,365	164,184	1,000
5	FSN-CXV 3x16+1x10	7	compact	7	compact	240,807	252,847	1,000
6	FSN-CXV 3x25+1x16	7	compact	7	compact	368,900	387,345	1,000
7	FSN-CXV 3x35+1x16	7	compact	7	compact	480,350	504,367	1,000
8	FSN-CXV 3x35+1x25	7	compact	7	compact	516,766	542,604	1,000
9	FSN-CXV 3x50+1x25	7	compact	7	compact	666,722	700,058	1,000
10	FSN-CXV 3x50+1x35	7	compact	7	compact	704,123	739,329	1,000
11	FSN-CXV 3x70+1x35	19	compact	7	compact	943,199	990,359	1,000
12	FSN-CXV 3x70+1x50	19	compact	7	compact	992,542	1,042,169	1,000
13	FSN-CXV 3x95+1x50	19	compact	7	compact	1,287,300	1,351,665	500
14	FSN-CXV 3x95+1x70	19	compact	19	compact	1,367,452	1,435,824	500
15	FSN-CXV 3x120+1x70	19	compact	19	compact	1,649,864	1,732,357	500
16	FSN-CXV 3x120+1x95	19	compact	19	compact	1,750,811	1,838,351	500
17	FSN-CXV 3x150+1x70	19	compact	19	compact	1,981,469	2,080,542	500
18	FSN-CXV 3x150+1x95	19	compact	19	compact	2,082,371	2,186,490	500
19	FSN-CXV 3x150+1x120	19	compact	19	compact	2,177,244	2,286,107	500
20	FSN-CXV 3x185+1x95	37	compact	19	compact	2,502,497	2,627,622	500
21	FSN-CXV 3x185+1x120	37	compact	19	compact	2,597,819	2,727,710	500
22	FSN-CXV 3x185+1x150	37	compact	19	compact	2,708,304	2,843,719	500
23	FSN-CXV 3x240+1x120	37	compact	19	compact	3,268,700	3,432,135	250
24	FSN-CXV 3x240+1x150	37	compact	19	compact	3,379,367	3,548,335	250
25	FSN-CXV 3x240+1x185	37	compact	37	compact	3,517,807	3,693,698	250
26	FSN-CXV 3x300+1x150	37	compact	19	compact	4,076,739	4,280,576	250
27	FSN-CXV 3x300+1x185	37	compact	37	compact	4,217,331	4,428,198	250
28	FSN-CXV 3x300+1x240	37	compact	37	compact	4,441,889	4,663,984	250
29	FSN-CXV 3x400+1x240	61	compact	37	compact	5,481,598	5,755,678	250
30	FSN-CXV 3x400+1x300	61	compact	37	compact	5,717,132	6,002,988	250

CADI-SUN cam kết

- Sản phẩm được quản lý theo Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001
- Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng sẽ không xuất ra thị trường
- Cung ứng hàng hóa nhanh chóng, kịp thời theo đúng yêu cầu của Khách hàng
- Khách hàng có thể đặt hàng theo quy cách và tiêu chuẩn yêu cầu riêng
- Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng truy cập website: www.cadisun.com.vn

CADI-SUN, ngày 01 tháng 06 năm 2024



BẢNG GIÁ SẢN PHẨM DÂY VÀ CÁP ĐIỆN CADISUN®

CÁP CHẬM CHÁY, BỐN LỖ ĐỀU NHAU, BỌC VỎ PVC

Tiêu chuẩn áp dụng: IEC 60502-1 /IEC 60332

Quy cách sản phẩm: Cu/XLPE/Fr-PVC

Điện áp sử dụng: 0.6/1KV

STT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Đơn giá (Đã bao gồm VAT 10%)		Chiều dài đóng gói (m)
		Dây pha		Trung tính		Giá bán sỉ (VNĐ/m)	Giá bán lẻ (VNĐ/m)	
		Số sợi	ĐK	Số sợi	ĐK			
1	FSN-CXV 4x1.5	7	0.52			34,705	36,440	2,000
2	FSN-CXV 4x2.5	7	0.67			51,548	54,125	2,000
3	FSN-CXV 4x4.0	7	0.85			77,773	81,662	2,000
4	FSN-CXV 4x6.0	7	1.04			109,934	115,431	2,000
5	FSN-CXV 4x10	7	compact			172,169	180,777	2,000
6	FSN-CXV 4x16	7	compact			261,533	274,610	1,000
7	FSN-CXV 4x25	7	compact			404,541	424,768	1,000
8	FSN-CXV 4x35	7	compact			553,998	581,698	1,000
9	FSN-CXV 4x50	7	compact			753,389	791,059	1,000
10	FSN-CXV 4x70	19	compact			1,073,948	1,127,645	1,000
11	FSN-CXV 4x95	19	compact			1,469,114	1,542,570	500
12	FSN-CXV 4x120	19	compact			1,844,105	1,936,311	500
13	FSN-CXV 4x150	19	compact			2,290,079	2,404,583	500
14	FSN-CXV 4x185	37	compact			2,848,296	2,990,711	500
15	FSN-CXV 4x240	37	compact			3,742,526	3,929,652	250
16	FSN-CXV 4x300	37	compact			4,675,618	4,909,399	250
17	FSN-CXV 4x400	61	compact			6,053,335	6,356,002	200

Ghi chú: Các sản phẩm có tiết diện $\geq 10\text{mm}^2$, ruột dẫn bên ép chặt cáp 2 nên đường kính danh định ghi Compact

CADI-SUN cam kết

- Sản phẩm được quản lý theo Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001
- Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng sẽ không xuất ra thị trường
- Cung ứng hàng hóa nhanh chóng, kịp thời theo đúng yêu cầu của Khách hàng
- Khách hàng có thể đặt hàng theo quy cách và tiêu chuẩn yêu cầu riêng
- Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng truy cập website: www.cadisun.com.vn

CADI-SUN, ngày 01 tháng 06 năm 2024

TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY
CỔ PHẦN
DÂY VÀ CÁP ĐIỆN
THƯỢNG ĐÌNH HÒA
Q. THANH XUÂN - TP. HÀ NỘI

Phạm Lương Hòa

BẢNG GIÁ SẢN PHẨM DÂY VÀ CÁP ĐIỆN CADISUN[®]

CÁP NGẮM CHẬM CHÁY, HAI LỖI ĐỀU NHAU, CÓ GIÁP, BỌC CÁCH ĐIỆN XLPE, BỌC VỎ PVC

Tiêu chuẩn áp dụng: IEC 60502-1 / IEC 60332

Quy cách sản phẩm: Cu/XLPE/Fr-PVC/DSTA/Fr-PVC

Điện áp sử dụng: 0.6/1KV

STT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Đơn giá (Đã bao gồm VAT 10%)		Chiều dài đóng gói (m)
		Dây pha		Trung tính		Giá bán sỉ (VNĐ/m)	Giá bán lẻ (VNĐ/m)	
		Số sợi	ĐK	Số sợi	ĐK			
1	FSN-DSTA 2x1.5 (đặc)	7	0.52			27,855	29,248	2,000
2	FSN-DSTA 2x2.5 (đặc)	7	0.67			37,197	39,057	2,000
3	FSN-DSTA 2x4.0 (đặc)	7	0.84			51,335	53,902	2,000
4	FSN-DSTA 2x6.0	7	1.03			69,329	72,795	2,000
5	FSN-DSTA 2x10	7	compact			101,929	107,025	2,000
6	FSN-DSTA 2x16	7	compact			150,050	157,552	2,000
7	FSN-DSTA 2x25	7	compact			223,473	234,647	1,000
8	FSN-DSTA 2x35	7	compact			300,094	315,098	1,000

Ghi chú: Các sản phẩm có tiết diện $\geq 10\text{mm}^2$, ruột dẫn bện ép chặt cấp 2 nên đường kính danh định ghi Compact

CADI-SUN cam kết

- Sản phẩm được quản lý theo Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001
- Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng sẽ không xuất ra thị trường
- Cung ứng hàng hóa nhanh chóng, kịp thời theo đúng yêu cầu của Khách hàng
- Khách hàng có thể đặt hàng theo quy cách và tiêu chuẩn yêu cầu riêng
- Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng truy cập website: www.cadisun.com.vn

CADI-SUN, ngày 01 tháng 06 năm 2024

TỔNG GIÁM ĐỐC



Phạm Lương Hòa

CADI-SUN

BẢNG GIÁ SẢN PHẨM DÂY VÀ CÁP ĐIỆN CADISUN®

CÁP NGẦM CHẬM CHÁY, BA LỖI ĐỀU NHAU, CÓ GIÁP, BỌC CÁCH ĐIỆN XLPE, BỌC VỎ PVC

Tiêu chuẩn áp dụng: IEC 60502-1 / IEC 60332

Quy cách sản phẩm: Cu/XLPE/Fr-PVC/DSTA/Fr-PVC

Điện áp sử dụng: 0.6/1KV

STT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Đơn giá (Đã bao gồm VAT 10%)		Chiều dài đóng gói (m)
		Dây pha		Trung tính		Giá bán sỉ (VNĐ/m)	Giá bán lẻ (VNĐ/m)	
		Số sợi	ĐK	Số sợi	ĐK			
1	FSN-DSTA 3x1.5	7	0.52			37,544	39,421	2,000
2	FSN-DSTA 3x2.5	7	0.67			51,178	53,737	2,000
3	FSN-DSTA 3x4.0	7	0.85			71,182	74,741	2,000
4	FSN-DSTA 3x6.0	7	1.04			95,324	100,090	2,000
5	FSN-DSTA 3x10	7	compact			143,170	150,328	2,000
6	FSN-DSTA 3x16	7	compact			213,567	224,245	1,000
7	FSN-DSTA 3x25	7	compact			321,051	337,103	1,000
8	FSN-DSTA 3x35	7	compact			434,839	456,581	1,000
9	FSN-DSTA 3x50	7	compact			587,528	616,905	1,000
10	FSN-DSTA 3x70	19	compact			834,145	875,852	1,000
11	FSN-DSTA 3x95	19	compact			1,147,775	1,205,164	500
12	FSN-DSTA 3x120	19	compact			1,435,042	1,506,795	500
13	FSN-DSTA 3x150	19	compact			1,777,725	1,866,611	500
14	FSN-DSTA 3x185	37	compact			2,202,470	2,312,593	250
15	FSN-DSTA 3x240	37	compact			2,885,893	3,030,187	250
16	FSN-DSTA 3x300	37	compact			3,593,275	3,772,939	250
17	FSN-DSTA 3x400	61	compact			4,644,243	4,876,455	250

Ghi chú: Các sản phẩm có tiết diện $\geq 10\text{mm}^2$, ruột dẫn bên ép chặt cáp 2 nên đường kính danh định ghi Compact

CADI-SUN cam kết

- Sản phẩm được quản lý theo Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001
- Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng sẽ không xuất ra thị trường
- Cung ứng hàng hóa nhanh chóng, kịp thời theo đúng yêu cầu của Khách hàng
- Khách hàng có thể đặt hàng theo quy cách và tiêu chuẩn yêu cầu riêng
- Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng truy cập website: www.cadisun.com.vn

CADI-SUN, ngày 01 tháng 06 năm 2024

TỔNG GIÁM ĐỐC

Phạm Lương Hòa

BẢNG GIÁ SẢN PHẨM DÂY VÀ CÁP ĐIỆN CADISUN[®]

CÁP NGẮM CHẬM CHÁY 4 LỖ (1 LỖ TRUNG TÍNH NHỎ HƠN), CÓ GIÁP, BỌC CÁCH ĐIỆN XLPE, BỌC VỎ PVC

Tiêu chuẩn áp dụng: IEC 60502-1 /IEC 60332

Quy cách sản phẩm: Cu/XLPE/Fr-PVC/DSTA/Fr-PVC

Điện áp sử dụng: 0.6/1KV

STT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Đơn giá (Đã bao gồm VAT 10%)		Chiều dài đóng gói (m)
		Dây pha		Trung tính		Giá bán sỉ (VNĐ/m)	Giá bán lẻ (VNĐ/m)	
		Số sợi	ĐK	Số sợi	ĐK			
1	FSN-DSTA 3x2.5+1x1.5	7	0.67	7	0.52	57,799	60,689	2,000
2	FSN-DSTA 3x4.0+1x2.5	7	0.85	7	0.67	83,055	87,208	2,000
3	FSN-DSTA 3x6.0+1x4.0	7	1.04	7	0.85	113,195	118,855	2,000
4	FSN-DSTA 3x10x1x6.0	7	compact	7	1.04	168,906	177,352	2,000
5	FSN-DSTA 3x16+1x10	7	compact	7	compact	254,865	267,608	1,000
6	FSN-DSTA 3x25+1x16	7	compact	7	compact	384,042	403,244	1,000
7	FSN-DSTA 3x35+1x16	7	compact	7	compact	497,202	522,062	1,000
8	FSN-DSTA 3x35+1x25	7	compact	7	compact	535,179	561,938	1,000
9	FSN-DSTA 3x50+1x25	7	compact	7	compact	685,467	719,740	1,000
10	FSN-DSTA 3x50+1x35	7	compact	7	compact	725,827	762,118	1,000
11	FSN-DSTA 3x70+1x35	19	compact	7	compact	984,045	1,033,247	1,000
12	FSN-DSTA 3x70+1x50	19	compact	7	compact	1,034,489	1,086,214	1,000
13	FSN-DSTA 3x95+1x50	19	compact	7	compact	1,331,421	1,397,992	500
14	FSN-DSTA 3x95+1x70	19	compact	19	compact	1,411,652	1,482,234	500
15	FSN-DSTA 3x120+1x70	19	compact	19	compact	1,699,020	1,783,971	500
16	FSN-DSTA 3x120+1x95	19	compact	19	compact	1,802,600	1,892,730	500
17	FSN-DSTA 3x150+1x70	19	compact	19	compact	2,038,861	2,140,804	500
18	FSN-DSTA 3x150+1x95	19	compact	19	compact	2,142,201	2,249,311	500
19	FSN-DSTA 3x150+1x120	19	compact	19	compact	2,236,340	2,348,157	250
20	FSN-DSTA 3x185+1x95	37	compact	19	compact	2,564,538	2,692,765	250
21	FSN-DSTA 3x185+1x120	37	compact	19	compact	2,663,398	2,796,568	250
22	FSN-DSTA 3x185+1x150	37	compact	19	compact	2,775,311	2,914,077	250
23	FSN-DSTA 3x240+1x120	37	compact	19	compact	3,337,349	3,504,217	250
24	FSN-DSTA 3x240+1x150	37	compact	19	compact	3,451,426	3,623,997	250
25	FSN-DSTA 3x240+1x185	37	compact	37	compact	3,591,191	3,770,750	250
26	FSN-DSTA 3x300+1x150	37	compact	19	compact	4,155,438	4,363,209	250
27	FSN-DSTA 3x300+1x185	37	compact	37	compact	4,302,084	4,517,188	250
28	FSN-DSTA 3x300+1x240	37	compact	37	compact	4,530,223	4,756,734	250
29	FSN-DSTA 3x400+1x240	61	compact	37	compact	5,571,238	5,849,800	250
30	FSN-DSTA 3x400+1x300	61	compact	37	compact	5,807,823	6,098,214	250

CADI-SUN cam kết

- Sản phẩm được quản lý theo Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001
- Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng sẽ không xuất ra thị trường
- Cung ứng hàng hóa nhanh chóng, kịp thời theo đúng yêu cầu của Khách hàng
- Khách hàng có thể đặt hàng theo quy cách và tiêu chuẩn yêu cầu riêng
- Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng truy cập website: www.cadisun.com.vn

CADI-SUN, ngày 01 tháng 06 năm 2024

TỔNG GIÁM ĐỐC



Phạm Lương Hòa

BẢNG GIÁ SẢN PHẨM DÂY VÀ CÁP ĐIỆN CADISUN[®]

CÁP NGẮM CHẬM CHÁY 4 LỖ ĐỀU NHAU, CÓ GIÁP, BỌC CÁCH ĐIỆN XLPE, BỌC VỎ PVC

Tiêu chuẩn áp dụng: IEC 60502-1 / IEC 60332

Quy cách sản phẩm: Cu/XLPE/Fr-PVC/DSTA/Fr-PVC

Điện áp sử dụng: 0.6/1KV

STT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Đơn giá (Đã bao gồm VAT 10%)		Chiều dài đóng gói (m)
		Dây pha		Trung tính		Giá bán sỉ (VNĐ/m)	Giá bán lẻ (VNĐ/m)	
		Số sợi	ĐK	Số sợi	ĐK			
1	FSN-DSTA 4x1.5	7	0.52			44,832	47,073	2,000
2	FSN-DSTA 4x2.5	7	0.67			62,354	65,472	2,000
3	FSN-DSTA 4x4.0	7	0.85			88,569	92,997	2,000
4	FSN-DSTA 4x6.0	7	1.04			121,583	127,662	2,000
5	FSN-DSTA 4x10	7	compact			185,115	194,371	1,000
6	FSN-DSTA 4x16	7	compact			278,275	292,189	1,000
7	FSN-DSTA 4x25	7	compact			420,722	441,758	1,000
8	FSN-DSTA 4x35	7	compact			573,002	601,652	1,000
9	FSN-DSTA 4x50	7	compact			776,077	814,881	1,000
10	FSN-DSTA 4x70	19	compact			1,115,921	1,171,718	500
11	FSN-DSTA 4x95	19	compact			1,515,148	1,590,905	500
12	FSN-DSTA 4x120	19	compact			1,899,524	1,994,500	500
13	FSN-DSTA 4x150	19	compact			2,350,509	2,468,034	250
14	FSN-DSTA 4x185	37	compact			2,917,309	3,063,175	250
15	FSN-DSTA 4x240	37	compact			3,819,743	4,010,730	250
16	FSN-DSTA 4x300	37	compact			4,767,349	5,005,716	250
17	FSN-DSTA 4x400	61	compact			6,195,584	6,505,364	200

Ghi chú: Các sản phẩm có tiết diện $\geq 10\text{mm}^2$, ruột dẫn bện ép chặt cấp 2 nên đường kính danh định ghi Compact

CADI-SUN cam kết

- Sản phẩm được quản lý theo Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001
- Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng sẽ không xuất ra thị trường
- Cung ứng hàng hóa nhanh chóng, kịp thời theo đúng yêu cầu của Khách hàng
- Khách hàng có thể đặt hàng theo quy cách và tiêu chuẩn yêu cầu riêng
- Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng truy cập website: www.cadisun.com.vn

CADI-SUN, ngày 01 tháng 06 năm 2024



Phạm Lương Hòa

BẢNG GIÁ SẢN PHẨM DÂY VÀ CÁP ĐIỆN CADISUN[®]
CÁP ĐỒNG CHỐNG CHÁY, MỘT LỖI, KHÔNG GIÁP, BỌC CÁCH ĐIỆN PVC

Tiêu chuẩn áp dụng: AS/NZS 5000.1; IEC 60331; IEC 60332

Quy cách sản phẩm: Cu/Mica/Fr-PVC

Điện áp sử dụng: 0.6/1KV

STT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Đơn giá (Đã bao gồm VAT 10%)		Chiều dài đóng gói (m)
		Dây pha		Trung tính		Giá bán sỉ (VNĐ/m)	Giá bán lẻ (VNĐ/m)	
		Số sợi	ĐK	Số sợi	ĐK			
1	FRN-CV 1x1.5 (V-75)	7	0.52			7,850	8,243	100m/Cuộn
2	FRN-CV 1x2.5 (V-75)	7	0.67			12,008	12,608	100m/Cuộn
3	FRN-CV 1x4.0 (V-75)	7	0.85			18,975	19,924	100m/Cuộn
4	FRN-CV 1x6.0 (V-75)	7	1.04			26,864	28,207	100m/Cuộn
5	FRN-CV 1x10 (V-75)	7	compact			42,414	44,535	100m/Cuộn
6	FRN-CV 1x16 (V-75)	7	compact			65,068	68,321	100m/Cuộn
7	FRN-CV 1x25 (V-75)	7	compact			100,487	105,511	100m/Cuộn
8	FRN-CV 1x35 (V-75)	7	compact			137,711	144,597	2000m/Lô
9	FRN-CV 1x50 (V-75)	7	compact			187,378	196,747	2000m/Lô
10	FRN-CV 1x70 (V-75)	19	compact			265,641	278,923	2000m/Lô
11	FRN-CV 1x95 (V-75)	19	compact			367,348	385,716	2000m/Lô
12	FRN-CV 1x120 (V-75)	19	compact			460,317	483,332	1000m/Lô
13	FRN-CV 1x150 (V-75)	19	compact			571,155	599,713	1000m/Lô
14	FRN-CV 1x185 (V-75)	37	compact			710,037	745,539	1000m/Lô
15	FRN-CV 1x240 (V-75)	37	compact			934,006	980,706	1000m/Lô
16	FRN-CV 1x300 (V-75)	37	compact			1,167,517	1,225,893	1000m/Lô
17	FRN-CV 1x400 (V-75)	61	compact			1,510,416	1,585,937	500m/Lô
18	FRN-CV 1x 500 (V-75)	61	compact			1,911,946	2,007,543	500m/Lô
19	FRN-CV 1x 630 (V-75)	61	compact			2,465,295	2,588,560	500m/Lô
20	FRN-CV 1x 800 (V-75)	61	compact			3,148,815	3,306,256	500m/Lô

Ghi chú: Các sản phẩm có tiết diện $\geq 10\text{mm}^2$, ruột dẫn bên ép chặt cấp 2 nên đường kính danh định ghi Compact

CADI-SUN cam kết

- Sản phẩm được quản lý theo Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001
- Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng sẽ không xuất ra thị trường
- Cung ứng hàng hóa nhanh chóng, kịp thời theo đúng yêu cầu của Khách hàng
- Khách hàng có thể đặt hàng theo quy cách và tiêu chuẩn yêu cầu riêng
- Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng truy cập website: www.cadisun.com.vn

CADI-SUN, ngày 01 tháng 06 năm 2024

TỔNG GIÁM ĐỐC
CỘNG TY
CỔ PHẦN
DÂY VÀ CÁP ĐIỆN
THƯƠNG ĐÌNH HÒA
Q. THANH XUÂN - TP. HÀ NỘI

Phạm Lương Hòa

BẢNG GIÁ SẢN PHẨM DÂY VÀ CÁP ĐIỆN CADISUN[®]

CÁP CHỐNG CHÁY, MỘT LỖI, BỌC CÁCH ĐIỆN XLPE, BỌC VỎ PVC

Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 5935-1; IEC 60502-1 / IEC 60331/ IEC 60332

Quy cách sản phẩm: Cu/Mica/XLPE/Fr-PVC

Điện áp sử dụng: 0.6/1KV

STT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Đơn giá (Đã bao gồm VAT 10%)		Chiều dài đóng gói (m)
		Dây pha		Trung tính		Giá bán sỉ (VNĐ/m)	Giá bán lẻ (VNĐ/m)	
		Số sợi	ĐK	Số sợi	ĐK			
1	FRN-CXV 1x1.5	7	0.52			10,012	10,512	200m/cuộn
2	FRN-CXV 1x2.5	7	0.67			14,325	15,041	200m/cuộn
3	FRN-CXV 1x4.0	7	0.85			21,164	22,223	200m/cuộn
4	FRN-CXV 1x6.0	7	1.04			29,198	30,658	200m/cuộn
5	FRN-CXV 1x10	7	compact			44,939	47,186	200m/cuộn
6	FRN-CXV 1x16	7	compact			67,887	71,281	200m/cuộn
7	FRN-CXV 1x25	7	compact			103,496	108,670	200m/cuộn
8	FRN-CXV 1x35	7	compact			141,136	148,192	2000m/lô
9	FRN-CXV 1x50	7	compact			190,781	200,320	2000m/lô
10	FRN-CXV 1x70	19	compact			269,942	283,439	2000m/lô
11	FRN-CXV 1x95	19	compact			371,460	390,033	2000m/lô
12	FRN-CXV 1x120	19	compact			465,958	489,256	1000m/lô
13	FRN-CXV 1x150	19	compact			576,676	605,509	1000m/lô
14	FRN-CXV 1x185	37	compact			716,606	752,436	1000m/lô
15	FRN-CXV 1x240	37	compact			940,550	987,578	1000m/lô
16	FRN-CXV 1x300	37	compact			1,174,243	1,232,955	1000m/lô
17	FRN-CXV 1x400	61	compact			1,518,658	1,594,591	500m/lô
18	FRN-CXV 1x500	61	compact			1,921,222	2,017,283	500m/lô
19	FRN-CXV 1x630	61	compact			2,479,680	2,603,664	500m/lô
20	FRN-CXV 1x800	61	compact			3,166,847	3,325,189	500m/lô

Ghi chú: Các sản phẩm có tiết diện $\geq 10\text{mm}^2$, ruột dẫn bên ép chặt cấp 2 nên đường kính danh định ghi Compact

CADI-SUN cam kết

- Sản phẩm được quản lý theo Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001
- Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng sẽ không xuất ra thị trường
- Cung ứng hàng hóa nhanh chóng, kịp thời theo đúng yêu cầu của Khách hàng
- Khách hàng có thể đặt hàng theo quy cách và tiêu chuẩn yêu cầu riêng
- Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng truy cập website: www.cadisun.com.vn

CADI-SUN, ngày 01 tháng 06 năm 2024

TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY
CỔ PHẦN
DÂY VÀ CÁP ĐIỆN
THƯỢNG ĐÌNH
Q. THANH XUÂN - TP. HÀ NỘI
Phạm Lương Hòa

BẢNG GIÁ SẢN PHẨM DÂY VÀ CÁP ĐIỆN CADISUN[®]

CÁP CHỐNG CHÁY, HAI LỖI, BỌC CÁCH ĐIỆN XLPE, BỌC VỎ PVC

Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 5935-1; IEC 60502-1 / IEC 60331/ IEC 60332

Quy cách sản phẩm: Cu/Mica/XLPE/Fr-PVC

Điện áp sử dụng: 0.6/1KV

STT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Đơn giá (Đã bao gồm VAT 10%)		Chiều dài đóng gói (m)
		Dây pha		Trung tính		Giá bán sỉ (VNĐ/m)	Giá bán lẻ (VNĐ/m)	
		Số sợi	ĐK	Số sợi	ĐK			
1	FRN-CXV 2x1.5 (Đặc)	7	0.52			23,182	24,341	200m/cuộn
2	FRN-CXV 2x2.5 (Đặc)	7	0.67			32,526	34,153	200m/cuộn
3	FRN-CXV 2x4.0 (Đặc)	7	0.85			46,925	49,271	200m/cuộn
5	FRN-CXV 2x6.0	7	1.04			63,698	66,883	3000m/lô
6	FRN-CXV 2x10	7	compact			95,850	100,643	2000m/lô
7	FRN-CXV 2x16	7	compact			141,528	148,604	2000m/lô
8	FRN-CXV 2x25	7	compact			216,008	226,809	2000m/lô
9	FRN-CXV 2x35	7	compact			292,265	306,879	1000m/lô
10	FRN-CXV 2x50	7	compact			393,575	413,253	1000m/lô
11	FRN-CXV 2x70	19	compact			555,311	583,077	1000m/lô
12	FRN-CXV 2x95	19	compact			763,299	801,463	1000m/lô
13	FRN-CXV 2x120	19	compact			955,179	1,002,938	500m/lô
14	FRN-CXV 2x150	19	compact			1,182,048	1,241,151	500m/lô

Ghi chú: Các sản phẩm có tiết diện $\geq 10\text{mm}^2$, ruột dẫn bện ép chặt cấp 2 nên đường kính danh định ghi Compact

CADI-SUN cam kết

- Sản phẩm được quản lý theo Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001
- Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng sẽ không xuất ra thị trường
- Cung ứng hàng hóa nhanh chóng, kịp thời theo đúng yêu cầu của Khách hàng
- Khách hàng có thể đặt hàng theo quy cách và tiêu chuẩn yêu cầu riêng
- Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng truy cập website: www.cadisun.com.vn

CADI-SUN, ngày 01 tháng 06 năm 2024

TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY
CÓ PHẦN
DÂY VÀ CÁP ĐIỆN
THƯƠNG ĐÌNH HÒA
Q. THANH XUÂN - TP. HÀ NỘI

Phạm Lương Hòa

BẢNG GIÁ SẢN PHẨM DÂY VÀ CÁP ĐIỆN CADISUN[®]

CÁP CHỐNG CHÁY, BA LỖI, BỌC CÁCH ĐIỆN XLPE, BỌC VỎ PVC

Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 5935-1; IEC 60502-1 / IEC 60331/ IEC 60332

Quy cách sản phẩm: Cu/Mica/XLPE/Fr-PVC

Điện áp sử dụng: 0.6/1KV

STT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Đơn giá (Đã bao gồm VAT 10%)		Chiều dài đóng gói (m)
		Dây pha		Trung tính		Giá bán sỉ (VNĐ/m)	Giá bán lẻ (VNĐ/m)	
		Số sợi	ĐK	Số sợi	ĐK			
1	FRN-CXV 3x1.5	7	0.52			32,587	34,217	2,000
2	FRN-CXV 3x2.5	7	0.67			45,410	47,681	2,000
3	FRN-CXV 3x4.0	7	0.85			66,651	69,983	2,000
4	FRN-CXV 3x6.0	7	1.04			91,152	95,710	2,000
5	FRN-CXV 3x10	7	compact			139,008	145,959	2,000
6	FRN-CXV 3x16	7	compact			205,411	215,682	2,000
7	FRN-CXV 3x25	7	compact			315,979	331,778	1,000
8	FRN-CXV 3x35	7	compact			429,002	450,452	1,000
9	FRN-CXV 3x50	7	compact			579,604	608,584	1,000
10	FRN-CXV 3x70	19	compact			819,649	860,632	1,000
11	FRN-CXV 3x95	19	compact			1,127,449	1,183,821	1,000
12	FRN-CXV 3x120	19	compact			1,413,962	1,484,660	1,000
13	FRN-CXV 3x150	19	compact			1,748,308	1,835,723	500
14	FRN-CXV 3x185	37	compact			2,174,165	2,282,873	500
15	FRN-CXV 3x240	37	compact			2,853,056	2,995,708	250
16	FRN-CXV 3x300	37	compact			3,556,073	3,733,877	250
17	FRN-CXV 3x400	61	compact			4,602,675	4,832,808	250

Ghi chú: Các sản phẩm có tiết diện $\geq 10\text{mm}^2$, ruột dẫn bện ép chặt cấp 2 nên đường kính danh định ghi Compact

CADI-SUN cam kết

- Sản phẩm được quản lý theo Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001
- Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng sẽ không xuất ra thị trường
- Cung ứng hàng hóa nhanh chóng, kịp thời theo đúng yêu cầu của Khách hàng
- Khách hàng có thể đặt hàng theo quy cách và tiêu chuẩn yêu cầu riêng
- Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng truy cập website: www.cadisun.com.vn

CADI-SUN, ngày 01 tháng 06 năm 2024

TỔNG GIÁM ĐỐC

Phạm Lương Hòa

BẢNG GIÁ SẢN PHẨM DÂY VÀ CÁP ĐIỆN CADI-SUN[®]**CÁP ĐỒNG CHỐNG CHÁY 4 LỖI (1 LỖI TRUNG TÍNH NHỎ HƠN) BỌC CÁCH ĐIỆN XLPE, BỌC VỎ PVC**

Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 5935-1; IEC 60502-1 / IEC 60331/ IEC 60332
Quy cách sản phẩm: Cu/Mica/XLPE/Fr-PVC
Điện áp sử dụng: 0.6/1KV

STT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Đơn giá (Đã bao gồm VAT 10%)		Chiều dài đóng gói (m)
		Dây pha		Trung tính		Giá bán sỉ (VNĐ/m)	Giá bán lẻ (VNĐ/m)	
		Số sợi	ĐK	Số sợi	ĐK			
1	FRN-CXV 3x2.5+1x1.5	7	0.67	7	0.52	54,105	56,810	2,000
2	FRN-CXV 3x4.0+1x2.5	7	0.85	7	0.67	79,581	83,560	2,000
3	FRN-CXV 3x6.0+1x4.0	7	1.04	7	0.85	110,090	115,595	2,000
4	FRN-CXV 3x10x1x6.0	7	compact	7	1.04	166,244	174,557	1,000
5	FRN-CXV 3x16+1x10	7	compact	7	compact	252,223	264,834	1,000
6	FRN-CXV 3x25+1x16	7	compact	7	compact	383,798	402,988	1,000
7	FRN-CXV 3x35+1x16	7	compact	7	compact	497,638	522,520	1,000
8	FRN-CXV 3x35+1x25	7	compact	7	compact	534,541	561,268	1,000
9	FRN-CXV 3x50+1x25	7	compact	7	compact	686,287	720,601	1,000
10	FRN-CXV 3x50+1x35	7	compact	7	compact	724,263	760,476	1,000
11	FRN-CXV 3x70+1x35	19	compact	7	compact	967,705	1,016,090	1,000
12	FRN-CXV 3x70+1x50	19	compact	7	compact	1,017,641	1,068,523	1,000
13	FRN-CXV 3x95+1x50	19	compact	7	compact	1,314,300	1,380,015	500
14	FRN-CXV 3x95+1x70	19	compact	19	compact	1,394,631	1,464,363	500
15	FRN-CXV 3x120+1x70	19	compact	19	compact	1,678,487	1,762,411	500
16	FRN-CXV 3x120+1x95	19	compact	19	compact	1,781,739	1,870,826	500
17	FRN-CXV 3x150+1x70	19	compact	19	compact	2,014,099	2,114,804	500
18	FRN-CXV 3x150+1x95	19	compact	19	compact	2,116,053	2,221,855	500
19	FRN-CXV 3x150+1x120	19	compact	19	compact	2,212,407	2,323,028	500
20	FRN-CXV 3x185+1x95	37	compact	19	compact	2,540,886	2,667,930	500
21	FRN-CXV 3x185+1x120	37	compact	19	compact	2,636,782	2,768,621	500
22	FRN-CXV 3x185+1x150	37	compact	19	compact	2,748,176	2,885,585	500
23	FRN-CXV 3x240+1x120	37	compact	19	compact	3,310,561	3,476,089	250
24	FRN-CXV 3x240+1x150	37	compact	19	compact	3,424,011	3,595,211	250
25	FRN-CXV 3x240+1x185	37	compact	37	compact	3,564,004	3,742,204	250
26	FRN-CXV 3x300+1x150	37	compact	19	compact	4,126,060	4,332,363	250
27	FRN-CXV 3x300+1x185	37	compact	37	compact	4,269,379	4,482,848	250
28	FRN-CXV 3x300+1x240	37	compact	37	compact	4,494,005	4,718,705	250
29	FRN-CXV 3x400+1x240	61	compact	37	compact	5,539,945	5,816,942	250
30	FRN-CXV 3x400+1x300	61	compact	37	compact	5,779,039	6,067,991	250

Ghi chú: Các sản phẩm có tiết diện $\geq 10\text{mm}^2$, ruột dẫn bên ép chặt cấp 2 nên dùng kính danh định ghi Compact

CADI-SUN cam kết

- Sản phẩm được quản lý theo Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001
- Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng sẽ không xuất ra thị trường
- Cung ứng hàng hóa nhanh chóng, kịp thời theo đúng yêu cầu của Khách hàng
- Khách hàng có thể đặt hàng theo quy cách và tiêu chuẩn yêu cầu riêng
- Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng truy cập website: www.cadisun.com.vn

CADI-SUN, ngày 01 tháng 06 năm 2024

**Phạm Lương Hòa**

BẢNG GIÁ SẢN PHẨM DÂY VÀ CÁP ĐIỆN CADISUN[®]

CÁP ĐỒNG CHỐNG CHÁY 4 LỖ BỌC CÁCH ĐIỆN XLPE, BỌC VỎ PVC

Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 5935-1; IEC 60502-1 / IEC 60331/ IEC 60332

Quy cách sản phẩm: Cu/Mica/XLPE/Fr-PVC

Điện áp sử dụng: 0.6/1KV

STT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Đơn giá (Đã bao gồm VAT 10%)		Chiều dài đóng gói (m)
		Dây pha		Trung tính		Giá bán sỉ (VNĐ/m)	Giá bán lẻ (VNĐ/m)	
		Số sợi	ĐK	Số sợi	ĐK			
1	FRN-CXV 4x1.5	7	0.52			40,855	42,898	2,000
2	FRN-CXV 4x2.5	7	0.67			58,468	61,392	2,000
3	FRN-CXV 4x4.0	7	0.85			85,797	90,087	2,000
4	FRN-CXV 4x6.0	7	1.04			118,261	124,174	2,000
5	FRN-CXV 4x10	7	compact			182,153	191,261	2,000
6	FRN-CXV 4x16	7	compact			273,449	287,121	1,000
7	FRN-CXV 4x25	7	compact			421,360	442,428	1,000
8	FRN-CXV 4x35	7	compact			573,714	602,400	1,000
9	FRN-CXV 4x50	7	compact			775,195	813,955	1,000
10	FRN-CXV 4x70	19	compact			1,098,928	1,153,875	1,000
11	FRN-CXV 4x95	19	compact			1,497,867	1,572,760	500
12	FRN-CXV 4x120	19	compact			1,875,772	1,969,561	500
13	FRN-CXV 4x150	19	compact			2,325,252	2,441,514	500
14	FRN-CXV 4x185	37	compact			2,888,030	3,032,431	500
15	FRN-CXV 4x240	37	compact			3,790,049	3,979,551	250
16	FRN-CXV 4x300	37	compact			4,734,109	4,970,815	250
17	FRN-CXV 4x400	61	compact			6,121,283	6,427,347	200

Ghi chú: Các sản phẩm có tiết diện $\geq 10\text{mm}^2$, ruột dẫn bên ép chặt cấp 2 nên đường kính danh định ghi Compact

CADI-SUN cam kết

- Sản phẩm được quản lý theo Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001
- Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng sẽ không xuất ra thị trường
- Cung ứng hàng hóa nhanh chóng, kịp thời theo đúng yêu cầu của Khách hàng
- Khách hàng có thể đặt hàng theo quy cách và tiêu chuẩn yêu cầu riêng
- Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng truy cập website: www.cadisun.com.vn

CADI-SUN, ngày 01 tháng 06 năm 2024

TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY
CỔ PHẦN
DÂY VÀ CÁP ĐIỆN
THƯỢNG ĐÌNH
Q. THANH XUÂN - TP. HÀ NỘI

Phạm Lương Hòa

BẢNG GIÁ SẢN PHẨM DÂY VÀ CÁP ĐIỆN CADISUN[®]

CÁP ĐỒNG CHỐNG CHÁY 5 LỖ BỌC CÁCH ĐIỆN XLPE, BỌC VỎ PVC

Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 5935-1; IEC 60502-1 / IEC 60331/ IEC 60332

Quy cách sản phẩm: Cu/Mica/XLPE/Fr-PVC

Điện áp sử dụng: 0.6/1KV

STT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Đơn giá (Đã bao gồm VAT 10%)		Chiều dài đóng gói (m)
		Dây pha		Trung tính		Giá bán sỉ (VNĐ/m)	Giá bán lẻ (VNĐ/m)	
		Số sợi	ĐK	Số sợi	ĐK			
1	FRN-CXV 5x1.5	7	0.52			50,970	53,518	2,000
2	FRN-CXV 5x2.5	7	0.67			72,999	76,649	2,000
3	FRN-CXV 5x4.0	7	0.85			107,218	112,578	2,000
4	FRN-CXV 5x6.0	7	1.04			148,240	155,652	2,000
5	FRN-CXV 5x10	7	compact			228,044	239,446	2,000
6	FRN-CXV 5x16	7	compact			342,902	360,047	1,000
7	FRN-CXV 5x25	7	compact			529,077	555,531	1,000
8	FRN-CXV 5x35	7	compact			721,516	757,592	1,000
9	FRN-CXV 5x50	7	compact			975,331	1,024,097	1,000
10	FRN-CXV 5x70	19	compact			1,382,424	1,451,545	1,000
11	FRN-CXV 5x95	19	compact			1,882,510	1,976,635	500
12	FRN-CXV 5x120	19	compact			2,358,376	2,476,295	500
13	FRN-CXV 5x150	19	compact			2,920,881	3,066,925	500
14	FRN-CXV 5x185	37	compact			3,630,122	3,811,629	500
15	FRN-CXV 5x240	37	compact			4,766,350	5,004,668	250
16	FRN-CXV 5x300	37	compact			5,950,309	6,247,824	250
17	FRN-CXV 5x400	61	compact			7,694,116	8,078,822	200

Ghi chú: Các sản phẩm có tiết diện $\geq 10\text{mm}^2$, ruột dẫn bên ép chặt cấp 2 nên đường kính danh định ghi Compact

CADI-SUN cam kết

- Sản phẩm được quản lý theo Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001
- Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng sẽ không xuất ra thị trường
- Cung ứng hàng hóa nhanh chóng, kịp thời theo đúng yêu cầu của Khách hàng
- Khách hàng có thể đặt hàng theo quy cách và tiêu chuẩn yêu cầu riêng
- Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng truy cập website: www.cadisun.com.vn

CADI-SUN, ngày 01 tháng 06 năm 2024



Phạm Lương Hòa



CADI-SUN[®]

Dây điện tốt. Cáp điện bền

CHẤT LƯỢNG



CÁP CAO SU



BẢNG GIÁ SẢN PHẨM DÂY VÀ CÁP ĐIỆN CADI-SUN[®]

CÁP HÀN HỒ QUANG

Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 9615-6/ IEC 60245-6

Quy cách sản phẩm: Cu/NR

Điện áp sử dụng:

STT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Đơn giá (Đã bao gồm VAT 10%)		Chiều dài đóng gói (m)
		Dây pha		Trung tính		Giá bán sỉ (VNĐ/m)	Giá bán lẻ (VNĐ/m)	
		Số sợi	ĐK	Số sợi	ĐK			
1	CNR 1x16	497	0.20			73,082	76,736	200
2	CNR 1x25	763	0.20			109,891	115,385	200
3	CNR 1x35	1071	0.20			152,211	159,822	200
4	CNR 1x50	1520	0.20			216,475	227,299	200
5	CNR 1x70	2128	0.20			300,856	315,898	200
6	CNR 1x95	2907	0.20			408,653	429,085	200

Ghi chú: Các sản phẩm có tiết diện $\geq 10\text{mm}^2$, ruột dẫn bện ép chặt cấp 2 nên đường kính danh định ghi Compact

CADI-SUN cam kết

- Sản phẩm được quản lý theo Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001
- Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng sẽ không xuất ra thị trường
- Cung ứng hàng hóa nhanh chóng, kịp thời theo đúng yêu cầu của Khách hàng
- Khách hàng có thể đặt hàng theo quy cách và tiêu chuẩn yêu cầu riêng
- Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng truy cập website: www.cadisun.com.vn

CADI-SUN, ngày 01 tháng 06 năm 2024



Phạm Lương Hòa

CADI-SUN

BẢNG GIÁ SẢN PHẨM DÂY VÀ CÁP ĐIỆN CADISUN[®]

CÁP CAO SU 1 RUỘT BỌC CÁCH ĐIỆN CAO SU, BỌC VỎ CAO SU

Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 5935-1/IEC 60502-1
Quy cách sản phẩm: Cu/NR/NR
Điện áp sử dụng: 0.6/1KV

STT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Đơn giá (Đã bao gồm VAT 10%)		Chiều dài đóng gói (m)
		Dây pha		Trung tính		Giá bán sỉ (VNĐ/m)	Giá bán lẻ (VNĐ/m)	
		Số sợi	ĐK	Số sợi	ĐK			
1	CRR 1x1.5	25	0.26			9,381	9,850	200
2	CRR 1x2.5	42	0.26			13,819	14,510	200
3	CRR 1x4.0	58	0.28			20,018	21,019	200
4	CRR 1x6.0	88	0.28			27,974	29,373	200
5	CRR 1x10	154	0.28			45,931	48,227	2,000
6	CRR 1x16	238	0.28			68,445	71,867	2,000
7	CRR 1x25	371	0.28			104,288	109,502	2,000
8	CRR 1x35	518	0.28			143,417	150,588	1,000
9	CRR 1x50	741	0.28			207,424	217,795	1,000
10	CRR 1x70	418	0.45			295,756	310,543	1,000
11	CRR 1x95	551	0.45			388,021	407,423	1,000

Ghi chú: Các sản phẩm có tiết diện $\geq 10\text{mm}^2$, ruột dẫn bện ép chặt cấp 2 nên đường kính danh định ghi Compact

CADI-SUN cam kết

- Sản phẩm được quản lý theo Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001
- Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng sẽ không xuất ra thị trường
- Cung ứng hàng hóa nhanh chóng, kịp thời theo đúng yêu cầu của Khách hàng
- Khách hàng có thể đặt hàng theo quy cách và tiêu chuẩn yêu cầu riêng
- Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng truy cập website: www.cadisun.com.vn

CADI-SUN, ngày 01 tháng 06 năm 2024

TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY
CỔ PHẦN
DÂY VÀ CÁP ĐIỆN
THƯƠNG ĐÌNH HÒA
Q. THANH XUÂN - TP. HÀ NỘI

Phạm Lương Hòa

BẢNG GIÁ SẢN PHẨM DÂY VÀ CÁP ĐIỆN CADISUN[®]

CÁP CAO SU 2 RUỘT BỌC CÁCH ĐIỆN CAO SU, BỌC VỎ CAO SU

Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 5935-1/IEC 60502-1
Quy cách sản phẩm: Cu/NR/NR
Điện áp sử dụng: 0.6/1KV

STT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Đơn giá (Đã bao gồm VAT 10%)		Chiều dài đóng gói (m)
		Dây pha		Trung tính		Giá bán sỉ (VNĐ/m)	Giá bán lẻ (VNĐ/m)	
		Số sợi	ĐK	Số sợi	ĐK			
1	CRR 2x1.5	25	0.26			21,847	22,939	200
2	CRR 2x2.5	42	0.26			31,066	32,619	200
3	CRR 2x4.0	58	0.28			45,075	47,329	200
4	CRR 2x6.0	88	0.28			61,691	64,775	200
5	CRR 2x10	154	0.28			100,067	105,070	1,000
6	CRR 2x16	238	0.28			146,937	154,284	1,000
7	CRR 2x25	371	0.28			222,383	233,502	1,000
8	CRR 2x35	518	0.28			300,359	315,377	1,000
9	CRR 2x50	741	0.28			430,686	452,221	500
10	CRR 2x70	418	0.45			610,423	640,944	500
11	CRR 2x95	551	0.45			798,518	838,444	500

Ghi chú: Các sản phẩm có tiết diện $\geq 10\text{mm}^2$, ruột dẫn bện ép chặt cấp 2 nên đường kính danh định ghi Compact

CADI-SUN cam kết

- Sản phẩm được quản lý theo Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001
- Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng sẽ không xuất ra thị trường
- Cung ứng hàng hóa nhanh chóng, kịp thời theo đúng yêu cầu của Khách hàng
- Khách hàng có thể đặt hàng theo quy cách và tiêu chuẩn yêu cầu riêng
- Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng truy cập website: www.cadisun.com.vn

CADI-SUN, ngày 01 tháng 06 năm 2024

TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY
CỔ PHẦN
DÂY VÀ CÁP ĐIỆN
THƯƠNG ĐÌNH HÒA
Q. THANH XUÂN - TP. HÀ NỘI

Phạm Lương Hòa

BẢNG GIÁ SẢN PHẨM DÂY VÀ CÁP ĐIỆN CADISUN[®]

CÁP CAO SU 3 RUỘT BỌC CÁCH ĐIỆN CAO SU, BỌC VỎ CAO SU

Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 5935-1/IEC 60502-1
Quy cách sản phẩm: Cu/NR/NR
Điện áp sử dụng: 0.6/1KV

STT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Đơn giá (Đã bao gồm VAT 10%)		Chiều dài đóng gói (m)
		Dây pha		Trung tính		Giá bán sỉ (VNĐ/m)	Giá bán lẻ (VNĐ/m)	
		Số sợi	ĐK	Số sợi	ĐK			
1	CRR 3x1.5	25	0.26			29,270	30,734	200
2	CRR 3x2.5	42	0.26			42,311	44,426	200
3	CRR 3x4.0	58	0.28			61,792	64,882	200
4	CRR 3x6.0	88	0.28			86,016	90,317	200
5	CRR 3x10	154	0.28			141,808	148,899	1,000
6	CRR 3x16	238	0.28			210,553	221,080	1,000
7	CRR 3x25	371	0.28			321,052	337,105	1,000
8	CRR 3x35	518	0.28			439,163	461,122	1,000
9	CRR 3x50	741	0.28			633,433	665,104	500
10	CRR 3x70	418	0.45			902,565	947,694	500
11	CRR 3x95	551	0.45			1,184,890	1,244,135	500

Ghi chú: Các sản phẩm có tiết diện $\geq 10\text{mm}^2$, ruột dẫn bện ép chặt cấp 2 nên đường kính danh định ghi Compact

CADI-SUN cam kết

- Sản phẩm được quản lý theo Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001
- Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng sẽ không xuất ra thị trường
- Cung ứng hàng hóa nhanh chóng, kịp thời theo đúng yêu cầu của Khách hàng
- Khách hàng có thể đặt hàng theo quy cách và tiêu chuẩn yêu cầu riêng
- Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng truy cập website: www.cadisun.com.vn

CADI-SUN, ngày 01 tháng 06 năm 2024

TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY
CỔ PHẦN
DÂY VÀ CÁP ĐIỆN
THƯƠNG ĐÌNH HÒA
Q. THANH XUÂN - TP. HÀ NỘI

Phạm Lương Hòa

BẢNG GIÁ SẢN PHẨM DÂY VÀ CÁP ĐIỆN CADISUN®
CÁP CAO SU 4 RUỘT (1 RUỘT TRUNG TÍNH NHỎ HƠN) BỌC CÁCH ĐIỆN CAO SU, BỌC VỎ CAO SU
Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 5935-1/IEC 60502-1
Quy cách sản phẩm: Cu/NR/NR
Điện áp sử dụng: 0.6/1KV

STT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Đơn giá (Đã bao gồm VAT 10%)		Chiều dài đóng gói (m)
		Dây pha		Trung tính		Giá bán sỉ (VNĐ/m)	Giá bán lẻ (VNĐ/m)	
		Số sợi	ĐK	Số sợi	ĐK			
1	CRR 3x2.5+1x1.5	42	0.26	25	0.26	49,548	52,025	200
2	CRR 3x4.0+1x2.5	58	0.28	42	0.26	73,047	76,699	200
3	CRR 3x6.0+1x4.0	88	0.28	58	0.28	102,883	108,027	200
4	CRR 3x10+1x6.0	154	0.28	88	0.28	166,677	175,011	200
5	CRR 3x16+1x10	238	0.28	154	0.28	252,963	265,612	1,000
6	CRR 3x25+1x16	371	0.28	238	0.28	384,527	403,753	1,000
7	CRR 3x35+1x16	518	0.28	238	0.28	507,544	532,922	1,000
8	CRR 3x35+1x25	518	0.28	371	0.28	545,062	572,316	1,000
9	CRR 3x50+1x25	741	0.28	371	0.28	731,582	768,161	1,000
10	CRR 3x50+1x35	741	0.28	518	0.28	771,304	809,869	500
11	CRR 3x70+1x35	418	0.45	518	0.28	1,037,523	1,089,399	500
12	CRR 3x70+1x50	418	0.45	741	0.28	1,099,371	1,154,340	500
13	CRR 3x95+1x50	551	0.45	741	0.28	1,378,638	1,447,570	500
14	CRR 3x95+1x70	551	0.45	418	0.45	1,468,726	1,542,163	500

Ghi chú: Các sản phẩm có tiết diện $\geq 10\text{mm}^2$, ruột dẫn bện ép chặt cấp 2 nên đường kính danh định ghi Compact

CADI-SUN cam kết

- Sản phẩm được quản lý theo Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001
- Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng sẽ không xuất ra thị trường
- Cung ứng hàng hóa nhanh chóng, kịp thời theo đúng yêu cầu của Khách hàng
- Khách hàng có thể đặt hàng theo quy cách và tiêu chuẩn yêu cầu riêng
- Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng truy cập website: www.cadisun.com.vn

CADI-SUN, ngày 01 tháng 06 năm 2024


TỔNG GIÁM ĐỐC
 CÔNG TY
 CỔ PHẦN
 DÂY VÀ CÁP ĐIỆN
 THƯỢNG ĐÌNH
 Q. THANH XUÂN - TP. HÀ NỘI
 Phạm Lương Hòa

BẢNG GIÁ SẢN PHẨM DÂY VÀ CÁP ĐIỆN CADISUN[®]

CÁP CAO SU 4 RUỘT BỌC CÁCH ĐIỆN CAO SU, BỌC VỎ CAO SU

Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 5935-1/IEC 60502-1
Quy cách sản phẩm: Cu/NR/NR
Điện áp sử dụng: 0.6/1KV

STT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Đơn giá (Đã bao gồm VAT 10%)		Chiều dài đóng gói (m)
		Dây pha		Trung tính		Giá bán sỉ (VNĐ/m)	Giá bán lẻ (VNĐ/m)	
		Số sợi	ĐK	Số sợi	ĐK			
1	CRR 4x1.5	25	0.26			36,876	38,720	200
2	CRR 4x2.5	42	0.26			54,389	57,108	200
3	CRR 4x4.0	58	0.28			79,266	83,229	200
4	CRR 4x6.0	88	0.28			111,372	116,941	200
5	CRR 4x10	154	0.28			185,989	195,288	200
6	CRR 4x16	238	0.28			277,156	291,014	1,000
7	CRR 4x25	371	0.28			422,852	443,995	1,000
8	CRR 4x35	518	0.28			587,195	616,555	1,000
9	CRR 4x50	741	0.28			837,221	879,082	1,000
10	CRR 4x70	418	0.45			1,194,181	1,253,890	500
11	CRR 4x95	551	0.45			1,571,617	1,650,198	500

Ghi chú: Các sản phẩm có tiết diện $\geq 10\text{mm}^2$, ruột dẫn bện ép chặt cấp 2 nên đường kính danh định ghi Compact

CADI-SUN cam kết

- Sản phẩm được quản lý theo Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001
- Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng sẽ không xuất ra thị trường
- Cung ứng hàng hóa nhanh chóng, kịp thời theo đúng yêu cầu của Khách hàng
- Khách hàng có thể đặt hàng theo quy cách và tiêu chuẩn yêu cầu riêng
- Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng truy cập website: www.cadisun.com.vn

CADI-SUN, ngày 01 tháng 06 năm 2024

TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY
CÓ PHẦN
DÂY VÀ CÁP ĐIỆN
THƯỢNG ĐÌNH
Q. THANH XUÂN - TP. HÀ NỘI

Phạm Lương Hòa



CADI-SUN[®]

Dây điện tốt. Cáp điện bền

CHẤT LƯỢNG



CÁP ĐIỀU KHIỂN



BẢNG GIÁ SẢN PHẨM DÂY VÀ CÁP ĐIỆN CADISUN®

CÁP ĐIỀU KHIỂN KHÔNG LƯỚI CHỐNG NHIỄU

Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 6610-7 (IEC 60227-7)
Quy cách sản phẩm: Cu/PVC/PVC
Điện áp sử dụng: 300/500V

STT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn		Đơn giá (Đã bao gồm VAT 10%)		Chiều dài đóng gói (m)
		Số sợi	ĐK	Giá bán sỉ (VNĐ/m)	Giá bán lẻ (VNĐ/m)	
1	DVV 2x0.5	20	0.177	7,436	7,808	500
2	DVV 2x0.75	30	0.177	10,163	10,671	500
3	DVV 2x1.0	30	0.200	12,438	13,060	500
4	DVV 2x1.5	30	0.240	16,789	17,629	500
5	DVV 2x2.5	50	0.240	26,284	27,598	500
6	DVV 3x0.5	20	0.177	9,881	10,375	500
7	DVV 3x0.75	30	0.177	13,966	14,664	500
8	DVV 3x1.0	30	0.200	17,113	17,969	500
9	DVV 3x1.5	30	0.240	23,427	24,598	500
10	DVV 3x2.5	50	0.240	37,050	38,903	500
11	DVV 4x0.5	20	0.177	12,847	13,489	500
12	DVV 4x0.75	30	0.177	17,790	18,679	500
13	DVV 4x1.0	30	0.200	21,801	22,891	500
14	DVV 4x1.5	30	0.240	30,105	31,610	500
15	DVV 4x2.5	50	0.240	47,662	50,045	500
16	DVV 5x0.5	20	0.177	15,916	16,712	500
17	DVV 5x0.75	30	0.177	22,296	23,411	500
18	DVV 5x1.0	30	0.200	27,263	28,626	500
19	DVV 5x1.5	30	0.240	37,665	39,548	500
20	DVV 5x2.5	50	0.240	59,312	62,277	500
21	DVV 6x0.5	20	0.177	18,965	19,913	500
22	DVV 6x0.75	30	0.177	26,222	27,533	500
23	DVV 6x1.0	30	0.200	32,555	34,183	500
24	DVV 6x1.5	30	0.240	45,237	47,499	500
25	DVV 6x2.5	50	0.240	71,281	74,845	500
26	DVV 7x0.5	20	0.177	21,335	22,402	500
27	DVV 7x0.75	30	0.177	30,153	31,660	500
28	DVV 7x1.0	30	0.200	37,117	38,972	500
29	DVV 7x1.5	30	0.240	51,154	53,712	500
30	DVV 7x2.5	50	0.240	81,450	85,523	500

CADI-SUN cam kết

- Sản phẩm được quản lý theo Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001
- Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng sẽ không xuất ra thị trường
- Cung ứng hàng hóa nhanh chóng, kịp thời theo đúng yêu cầu của Khách hàng
- Khách hàng có thể đặt hàng theo quy cách và tiêu chuẩn yêu cầu riêng
- Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng truy cập website: www.cadisun.com.vn

CADI-SUN, ngày 01 tháng 06 năm 2024



Phạm Lương Hòa

BẢNG GIÁ SẢN PHẨM DÂY VÀ CÁP ĐIỆN CADISUN[®]**CÁP ĐIỀU KHIỂN KHÔNG LƯỚI CHỐNG NHIỄU****Tiêu chuẩn áp dụng:** TCVN 6610-7 (IEC 60227-7)
Quy cách sản phẩm: Cu/PVC/PVC
Điện áp sử dụng: 300/500V

STT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn		Đơn giá (Đã bao gồm VAT 10%)		Chiều dài đóng gói (m)
		Số sợi	ĐK	Giá bán sỉ (VNĐ/m)	Giá bán lẻ (VNĐ/m)	
31	DVV 8x0.5	20	0.177	24,126	25,332	500
32	DVV 8x0.75	30	0.177	33,906	35,601	500
33	DVV 8x1.0	30	0.200	41,595	43,674	500
34	DVV 8x1.5	30	0.240	57,554	60,432	500
35	DVV 8x2.5	50	0.240	92,010	96,611	500
36	DVV 9x0.5	20	0.177	29,895	31,389	500
37	DVV 9x0.75	30	0.177	39,752	41,740	500
38	DVV 9x1.0	30	0.200	48,192	50,602	500
39	DVV 9x1.5	30	0.240	66,085	69,390	500
40	DVV 9x2.5	50	0.240	104,673	109,907	500
41	DVV 10x0.5	20	0.177	32,735	34,372	200
42	DVV 10x0.75	30	0.177	43,808	45,999	200
43	DVV 10x1.0	30	0.200	53,171	55,829	200
44	DVV 10x1.5	30	0.240	73,204	76,864	200
45	DVV 10x2.5	50	0.240	116,325	122,142	200
46	DVV 12x0.5	20	0.177	37,844	39,736	200
47	DVV 12x0.75	30	0.177	50,990	53,540	200
48	DVV 12x1.0	30	0.200	62,753	65,890	200
49	DVV 12x1.5	30	0.240	85,978	90,277	200
50	DVV 12x2.5	50	0.240	137,366	144,235	200
51	DVV 14x0.5	20	0.177	42,481	44,605	200
52	DVV 14x0.75	30	0.177	59,135	62,092	200
53	DVV 14x1.0	30	0.200	71,957	75,555	200
54	DVV 14x1.5	30	0.240	99,690	104,674	200
55	DVV 14x2.5	50	0.240	159,629	167,610	200
56	DVV 16x0.5	20	0.177	47,443	49,815	200
57	DVV 16x0.75	30	0.177	66,003	69,304	200
58	DVV 16x1.0	30	0.200	80,941	84,988	200
59	DVV 16x1.5	30	0.240	112,191	117,801	200
60	DVV 16x2.5	50	0.240	180,269	189,283	200
61	DVV 18x0.5	20	0.177	52,811	55,451	200
62	DVV 18x0.75	30	0.177	73,731	77,417	200
63	DVV 18x1.0	30	0.200	90,183	94,693	200
64	DVV 18x1.5	30	0.240	125,540	131,817	200
65	DVV 18x2.5	50	0.240	202,608	212,738	200

CADI-SUN cam kết

- Sản phẩm được quản lý theo Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001
- Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng sẽ không xuất ra thị trường
- Cung ứng hàng hóa nhanh chóng, kịp thời theo đúng yêu cầu của Khách hàng
- Khách hàng có thể đặt hàng theo quy cách và tiêu chuẩn yêu cầu riêng
- Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng truy cập website: www.cadisun.com.vn

CADI-SUN, ngày 01 tháng 06 năm 2024**Phạm Lương Hòa**

BẢNG GIÁ SẢN PHẨM DÂY VÀ CÁP ĐIỆN CADISUN[®]

CÁP ĐIỀU KHIỂN KHÔNG LƯỚI CHỐNG NHIỄU

Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 6610-7 (IEC 60227-7)
Quy cách sản phẩm: Cu/PVC/PVC
Điện áp sử dụng: 300/500V

STT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn		Đơn giá (Đã bao gồm VAT 10%)		Chiều dài đóng gói (m)
		Số sợi	ĐK	Giá bán sỉ (VNĐ/m)	Giá bán lẻ (VNĐ/m)	
66	DVV 19x0.5	20	0.177	55,159	57,917	200
67	DVV 19x0.75	30	0.177	77,117	80,972	200
68	DVV 19x1.0	30	0.200	94,872	99,615	200
69	DVV 19x1.5	30	0.240	132,250	138,862	200
70	DVV 19x2.5	50	0.240	213,187	223,846	200
71	DVV 20x0.5	20	0.177	58,347	61,264	200
72	DVV 20x0.75	30	0.177	81,234	85,296	200
73	DVV 20x1.0	30	0.200	100,384	105,403	200
74	DVV 20x1.5	30	0.240	139,875	146,868	200
75	DVV 20x2.5	50	0.240	225,645	236,927	200
76	DVV 22x0.5	20	0.177	63,651	66,834	200
77	DVV 22x0.75	30	0.177	89,259	93,722	200
78	DVV 22x1.0	30	0.200	109,907	115,402	200
79	DVV 22x1.5	30	0.240	153,956	161,654	200
80	DVV 22x2.5	50	0.240	249,093	261,548	200
81	DVV 24x0.5	20	0.177	69,406	72,876	200
82	DVV 24x0.75	30	0.177	97,435	102,307	200
83	DVV 24x1.0	30	0.200	120,052	126,054	200
84	DVV 24x1.5	30	0.240	167,813	176,203	200
85	DVV 24x2.5	50	0.240	270,700	284,235	200
86	DVV 26x0.5	20	0.177	74,108	77,814	200
87	DVV 26x0.75	30	0.177	104,357	109,575	200
88	DVV 26x1.0	30	0.200	129,200	135,660	200
89	DVV 26x1.5	30	0.240	180,659	189,692	200
90	DVV 26x2.5	50	0.240	291,138	305,695	200
91	DVV 28x0.5	20	0.177	79,570	83,548	200
92	DVV 28x0.75	30	0.177	112,215	117,826	200
93	DVV 28x1.0	30	0.200	139,043	145,995	200
94	DVV 28x1.5	30	0.240	194,681	204,415	200
95	DVV 28x2.5	50	0.240	314,566	330,294	200
96	DVV 30x0.5	20	0.177	84,643	88,875	200
97	DVV 30x0.75	30	0.177	119,548	125,525	200
98	DVV 30x1.0	30	0.200	148,342	155,760	200
99	DVV 30x1.5	30	0.240	207,562	217,940	200
100	DVV 30x2.5	50	0.240	335,629	352,411	200

CADI-SUN cam kết

- Sản phẩm được quản lý theo Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001
- Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng sẽ không xuất ra thị trường
- Cung ứng hàng hóa nhanh chóng, kịp thời theo đúng yêu cầu của Khách hàng
- Khách hàng có thể đặt hàng theo quy cách và tiêu chuẩn yêu cầu riêng
- Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng truy cập website: www.cadisun.com.vn

CADI-SUN, ngày 01 tháng 06 năm 2024

TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY
CỔ PHẦN
DÂY VÀ CÁP ĐIỆN
THƯƠNG ĐÌNH HÒA
Q. THANH XUÂN - TP. HÀ NỘI

Phạm Lương Hòa

BẢNG GIÁ SẢN PHẨM DÂY VÀ CÁP ĐIỆN CADISUN[®]

CÁP ĐIỀU KHIỂN CÓ LƯỚI CHỐNG NHIỄU

Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 6610-7 (IEC 60227-7)
Quy cách sản phẩm: Cu/PVC/SB/PVC
Điện áp sử dụng: 300/500V

STT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn		Đơn giá (Đã bao gồm VAT 10%)		Chiều dài đóng gói (m)
		Số sợi	ĐK	Giá bán sỉ (VNĐ/m)	Giá bán lẻ (VNĐ/m)	
1	DVV/SB 2x0.5	20	0.177	14,693	15,427	500
2	DVV/SB 2x0.75	30	0.177	17,477	18,351	500
3	DVV/SB 2x1.0	30	0.200	19,773	20,762	500
4	DVV/SB 2x1.5	30	0.240	24,149	25,356	500
5	DVV/SB 2x2.5	50	0.240	32,846	34,488	500
6	DVV/SB 3x0.5	20	0.177	17,621	18,502	500
7	DVV/SB 3x0.75	30	0.177	21,391	22,460	500
8	DVV/SB 3x1.0	30	0.200	24,810	26,050	500
9	DVV/SB 3x1.5	30	0.240	31,338	32,904	500
10	DVV/SB 3x2.5	50	0.240	44,428	46,649	500
11	DVV/SB 4x0.5	20	0.177	20,429	21,451	500
12	DVV/SB 4x0.75	30	0.177	25,620	26,901	500
13	DVV/SB 4x1.0	30	0.200	28,591	30,021	500
14	DVV/SB 4x1.5	30	0.240	37,601	39,481	500
15	DVV/SB 4x2.5	50	0.240	57,304	60,170	500
16	DVV/SB 5x0.5	20	0.177	24,058	25,261	500
17	DVV/SB 5x0.75	30	0.177	29,168	30,626	500
18	DVV/SB 5x1.0	30	0.200	35,014	36,765	500
19	DVV/SB 5x1.5	30	0.240	45,719	48,005	500
20	DVV/SB 5x2.5	50	0.240	69,032	72,484	500
21	DVV/SB 6x0.5	20	0.177	26,075	27,379	500
22	DVV/SB 6x0.75	30	0.177	33,931	35,627	500
23	DVV/SB 6x1.0	30	0.200	40,171	42,179	500
24	DVV/SB 6x1.5	30	0.240	53,615	56,296	500
25	DVV/SB 6x2.5	50	0.240	80,572	84,600	500
26	DVV/SB 7x0.5	20	0.177	29,682	31,166	500
27	DVV/SB 7x0.75	30	0.177	39,318	41,284	500
28	DVV/SB 7x1.0	30	0.200	45,981	48,280	500
29	DVV/SB 7x1.5	30	0.240	61,166	64,224	500
30	DVV/SB 7x2.5	50	0.240	93,703	98,388	300

CADI-SUN cam kết

- Sản phẩm được quản lý theo Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001
- Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng sẽ không xuất ra thị trường
- Cung ứng hàng hóa nhanh chóng, kịp thời theo đúng yêu cầu của Khách hàng
- Khách hàng có thể đặt hàng theo quy cách và tiêu chuẩn yêu cầu riêng
- Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng truy cập website: www.cadisun.com.vn

CADI-SUN, ngày 01 tháng 06 năm 2024



Phạm Lương Hòa

BẢNG GIÁ SẢN PHẨM DÂY VÀ CÁP ĐIỆN CADISUN®

CÁP ĐIỀU KHIỂN CÓ LƯỚI CHỐNG NHIỄU

Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 6610-7 (IEC 60227-7)
Quy cách sản phẩm: Cu/PVC/SB/PVC
Điện áp sử dụng: 300/500V

STT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn		Đơn giá (Đã bao gồm VAT 10%)		Chiều dài đóng gói (m)
		Số sợi	ĐK	Giá bán sỉ (VNĐ/m)	Giá bán lẻ (VNĐ/m)	
31	DVV/SB 8x0.5	20	0.177	34,570	36,298	500
32	DVV/SB 8x0.75	30	0.177	44,398	46,618	500
33	DVV/SB 8x1.0	30	0.200	51,738	54,325	500
34	DVV/SB 8x1.5	30	0.240	69,662	73,145	500
35	DVV/SB 8x2.5	50	0.240	105,750	111,038	300
36	DVV/SB 9x0.5	20	0.177	37,426	39,297	500
37	DVV/SB 9x0.75	30	0.177	48,406	50,827	500
38	DVV/SB 9x1.0	30	0.200	58,469	61,393	500
39	DVV/SB 9x1.5	30	0.240	77,263	81,126	500
40	DVV/SB 9x2.5	50	0.240	119,331	125,297	300
41	DVV/SB 10x0.5	20	0.177	41,346	43,413	200
42	DVV/SB 10x0.75	30	0.177	53,806	56,497	200
43	DVV/SB 10x1.0	30	0.200	63,823	67,015	200
44	DVV/SB 10x1.5	30	0.240	84,913	89,159	200
45	DVV/SB 10x2.5	50	0.240	130,038	136,540	200
46	DVV/SB 12x0.5	20	0.177	46,789	49,128	200
47	DVV/SB 12x0.75	30	0.177	61,610	64,690	200
48	DVV/SB 12x1.0	30	0.200	73,121	76,777	200
49	DVV/SB 12x1.5	30	0.240	98,518	103,444	200
50	DVV/SB 12x2.5	50	0.240	152,084	159,688	200
51	DVV/SB 14x0.5	20	0.177	52,462	55,085	200
52	DVV/SB 14x0.75	30	0.177	69,512	72,988	200
53	DVV/SB 14x1.0	30	0.200	83,746	87,933	200
54	DVV/SB 14x1.5	30	0.240	113,405	119,076	200
55	DVV/SB 14x2.5	50	0.240	174,774	183,512	200
56	DVV/SB 16x0.5	20	0.177	57,477	60,351	200
57	DVV/SB 16x0.75	30	0.177	77,241	81,103	200
58	DVV/SB 16x1.0	30	0.200	92,613	97,244	200
59	DVV/SB 16x1.5	30	0.240	125,896	132,191	200
60	DVV/SB 16x2.5	50	0.240	197,560	207,438	200
61	DVV/SB 18x0.5	20	0.177	62,838	65,980	200
62	DVV/SB 18x0.75	30	0.177	84,937	89,184	200
63	DVV/SB 18x1.0	30	0.200	102,172	107,281	200
64	DVV/SB 18x1.5	30	0.240	139,789	146,778	200
65	DVV/SB 18x2.5	50	0.240	220,078	231,082	200

CADI-SUN cam kết

- Sản phẩm được quản lý theo Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001
- Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng sẽ không xuất ra thị trường
- Cung ứng hàng hóa nhanh chóng, kịp thời theo đúng yêu cầu của Khách hàng
- Khách hàng có thể đặt hàng theo quy cách và tiêu chuẩn yêu cầu riêng
- Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng truy cập website: www.cadisun.com.vn

CADI-SUN, ngày 01 tháng 06 năm 2024

TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY
CỔ PHẦN
DÂY VÀ CÁP ĐIỆN
THƯỢNG ĐÌNH HÒA
Q. THANH XUÂN - TP. HÀ NỘI

Phạm Lương Hòa

BẢNG GIÁ SẢN PHẨM DÂY VÀ CÁP ĐIỆN CADISUN®

CÁP ĐIỀU KHIỂN CÓ LƯỚI CHỐNG NHIỀU

Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 6610-7 (IEC 60227-7)
Quy cách sản phẩm: Cu/PVC/SB/PVC
Điện áp sử dụng: 300/500V

STT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn		Đơn giá (Đã bao gồm VAT 10%)		Chiều dài đóng gói (m)
		Số sợi	ĐK	Giá bán sỉ (VNĐ/m)	Giá bán lẻ (VNĐ/m)	
66	DVV/SB 19x0.5	20	0.177	65,880	69,174	200
67	DVV/SB 19x0.75	30	0.177	88,891	93,335	200
68	DVV/SB 19x1.0	30	0.200	107,080	112,434	200
69	DVV/SB 19x1.5	30	0.240	146,256	153,569	200
70	DVV/SB 19x2.5	50	0.240	231,415	242,986	200
71	DVV/SB 20x0.5	20	0.177	68,990	72,440	200
72	DVV/SB 20x0.75	30	0.177	93,350	98,018	200
73	DVV/SB 20x1.0	30	0.200	113,777	119,465	200
74	DVV/SB 20x1.5	30	0.240	156,402	164,222	200
75	DVV/SB 20x2.5	50	0.240	243,680	255,864	200
76	DVV/SB 22x0.5	20	0.177	75,337	79,103	200
77	DVV/SB 22x0.75	30	0.177	102,517	107,643	200
78	DVV/SB 22x1.0	30	0.200	123,799	129,989	200
79	DVV/SB 22x1.5	30	0.240	171,113	179,669	200
80	DVV/SB 22x2.5	50	0.240	267,945	281,342	200
81	DVV/SB 24x0.5	20	0.177	81,086	85,141	200
82	DVV/SB 24x0.75	30	0.177	110,722	116,259	200
83	DVV/SB 24x1.0	30	0.200	134,357	141,075	200
84	DVV/SB 24x1.5	30	0.240	185,135	194,392	200
85	DVV/SB 24x2.5	50	0.240	291,278	305,841	200
86	DVV/SB 26x0.5	20	0.177	86,158	90,466	200
87	DVV/SB 26x0.75	30	0.177	118,052	123,954	200
88	DVV/SB 26x1.0	30	0.200	143,096	150,251	200
89	DVV/SB 26x1.5	30	0.240	198,002	207,902	200
90	DVV/SB 26x2.5	50	0.240	312,321	327,937	200
91	DVV/SB 28x0.5	20	0.177	92,834	97,476	200
92	DVV/SB 28x0.75	30	0.177	126,386	132,706	200
93	DVV/SB 28x1.0	30	0.200	154,034	161,736	200
94	DVV/SB 28x1.5	30	0.240	212,630	223,262	200
95	DVV/SB 28x2.5	50	0.240	337,818	354,709	200
96	DVV/SB 30x0.5	20	0.177	97,928	102,824	200
97	DVV/SB 30x0.75	30	0.177	133,740	140,427	200
98	DVV/SB 30x1.0	30	0.200	163,231	171,393	200
99	DVV/SB 30x1.5	30	0.240	225,532	236,809	200
100	DVV/SB 30x2.5	50	0.240	358,258	376,171	200

CADI-SUN cam kết

- Sản phẩm được quản lý theo Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001
- Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng sẽ không xuất ra thị trường
- Cung ứng hàng hóa nhanh chóng, kịp thời theo đúng yêu cầu của Khách hàng
- Khách hàng có thể đặt hàng theo quy cách và tiêu chuẩn yêu cầu riêng
- Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng truy cập website: www.cadisun.com.vn

CADI-SUN, ngày 01 tháng 06 năm 2024

TỔNG GIÁM ĐỐC



Phạm Lương Hòa



CADI-SUN[®]
Dây điện tốt. Cáp điện bền

CHẤT LƯỢNG
★ ★ ★ ★ ★

CÁP NHÔM HẠ THẾ



BẢNG GIÁ SẢN PHẨM DÂY VÀ CÁP ĐIỆN CADISUN[®]
CÁP NHÔM TRẦN

Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 5064:1994/SĐ1:1995
Quy cách sản phẩm: AI (bện tròn cấp 2)

STT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Đơn giá (Đã bao gồm VAT 10%)		Chiều dài đóng gói (m)
		Dây pha		Trung tính		Giá bán sỉ (VNĐ/kg)	Giá bán lẻ (VNĐ/kg)	
		Số sợi	ĐK	Số sợi	ĐK			
1	A 10	7	1.35			145,122	152,378	12,000
2	A 16	7	1.70			138,141	145,049	12,000
3	A 25	7	2.13			134,276	140,990	8,000
4	A 35	7	2.51			130,450	136,973	6,000
5	A 50	7	3.00			128,937	135,384	6,000
6	A 70	7	3.55			128,186	134,596	8,000
7	A 95	7	4.10			127,724	134,110	6,000
8	A 120	19	2.80			128,350	134,768	6,000
9	A 150	19	3.15			128,172	134,580	4,000
10	A 185	37	2.51			128,701	135,136	3,000
11	A 240	37	2.87			127,740	134,127	2,000
12	A 300	37	3.15			127,860	134,254	2,000
13	A 400	37	3.66			127,821	134,212	1,000

Ghi chú: Các sản phẩm có tiết diện $\geq 10\text{mm}^2$, ruột dẫn bện ép chặt cấp 2 nên đường kính danh định ghi Compact

CADI-SUN cam kết

- Sản phẩm được quản lý theo Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001
- Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng sẽ không xuất ra thị trường
- Cung ứng hàng hóa nhanh chóng, kịp thời theo đúng yêu cầu của Khách hàng
- Khách hàng có thể đặt hàng theo quy cách và tiêu chuẩn yêu cầu riêng
- Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng truy cập website: www.cadisun.com.vn

CADI-SUN, ngày 01 tháng 06 năm 2024

TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY
CỔ PHẦN
DÂY VÀ CÁP ĐIỆN
THƯỢNG ĐÌNH
Q. THANH XUÂN - TP. HÀ NỘI

Phạm Lương Hòa

BẢNG GIÁ SẢN PHẨM DÂY VÀ CÁP ĐIỆN CADI-SUN®

CÁP NHÔM TRẦN LỖI THÉP

Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 5064:1994/SĐ1:1995

Quy cách: Fe/Al

STT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Đơn giá (Đã bao gồm VAT 10%)		Chiều dài đóng gói (m)
		Dây pha		Trung tính		Giá bán sỉ (VNĐ/kg)	Giá bán lẻ (VNĐ/kg)	
		Số sợi	ĐK	Số sợi	ĐK			
1	As 10/1.8	1	1.50	6	1.50	113,406	119,076	14,000
2	As 16/2.7	1	1.85	6	1.85	109,674	115,158	9,400
3	As 25/4.2	1	2.30	6	2.30	107,244	112,607	6,100
4	As 35/6.2	1	2.80	6	2.80	102,957	108,105	4,100
5	As 50/8.0	1	3.20	6	3.20	102,263	107,376	3,100
6	As 70/11	1	3.80	6	3.80	101,870	106,963	2,300
7	As 70/72	19	2.20	18	2.20	72,442	76,064	2,200
8	As 95/16	1	4.50	6	4.50	101,765	106,853	1,600
9	As 95/141	37	2.20	24	2.20	70,630	74,161	1,100
10	As 120/19	7	1.85	26	2.40	104,331	109,548	3,100
11	As 120/27	7	2.20	30	2.20	96,975	101,824	3,300
12	As 150/19	7	1.85	24	2.80	107,917	113,313	3,100
13	As 150/24	7	2.10	26	2.70	103,160	108,318	3,500
14	As 150/34	7	2.50	30	2.50	97,311	102,177	2,500
15	As 185/24	7	2.10	24	3.15	106,354	111,671	3,500
16	As 185/29	7	2.30	26	2.98	103,395	108,564	2,000
17	As 185/43	7	2.80	30	2.80	98,791	103,730	2,000
18	As 185/128	37	2.10	54	2.10	76,663	80,497	1,200
19	As 240/32	7	2.40	24	3.60	106,045	111,347	1,800
20	As 240/39	7	2.65	26	3.40	102,663	107,796	1,500
21	As 240/56	7	3.20	30	3.20	98,216	103,127	1,500
22	As 300/39	7	2.65	24	4.00	106,199	111,509	1,500
23	As 300/48	7	2.95	26	3.80	107,860	113,253	1,200
24	As 300/66	19	2.10	30	3.50	97,226	102,087	1,200
25	As 300/67	7	3.50	30	3.50	97,659	102,542	1,300
26	As 300/204	37	2.65	54	2.65	77,585	81,464	700
27	As 330/30	7	2.30	48	2.98	115,636	121,417	1,500
28	As 330/43	7	2.80	54	2.80	109,697	115,182	1,000
29	As 400/18	7	1.85	42	3.40	120,966	127,015	1,500
30	As 400/51	7	3.05	54	3.05	107,526	112,902	1,700
31	As 400/64	7	3.40	26	4.37	104,179	109,388	1,400
32	As 400/93	19	2.50	30	4.15	97,764	102,652	1,700

Ghi chú: Các sản phẩm có tiết diện $\geq 10\text{mm}^2$, ruột dẫn bện ép chặt cấp 2 nên đường kính danh định ghi Compact

CADI-SUN cam kết

- Sản phẩm được quản lý theo Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001
- Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng sẽ không xuất ra thị trường
- Cung ứng hàng hóa nhanh chóng, kịp thời theo đúng yêu cầu của Khách hàng
- Khách hàng có thể đặt hàng theo quy cách và tiêu chuẩn yêu cầu riêng
- Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng truy cập website: www.cadisun.com.vn

CADI-SUN, ngày 01 tháng 06 năm 2024

TỔNG GIÁM ĐỐC



Phạm Lương Hòa

BẢNG GIÁ SẢN PHẨM DÂY VÀ CÁP ĐIỆN CADI-SUN[®]

CÁP NHÔM ĐƠN BỌC CÁCH ĐIỆN PVC

Tiêu chuẩn áp dụng: AS/NZS 5000.1:2005
Quy cách: AI/PVC
Điện áp sử dụng: 0.6/1kV

STT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Đơn giá (Đã bao gồm VAT 10%)		Chiều dài đóng gói (m)
		Dây pha		Trung tính		Giá bán sỉ (VNĐ/m)	Giá bán lẻ (VNĐ/m)	
		Số sợi	ĐK	Số sợi	ĐK			
1	AV 1x16 (V-75)	7	compact			7,790	8,179	500
2	AV 1x25 (V-75)	7	compact			11,522	12,098	500
3	AV 1x35 (V-75)	7	compact			15,200	15,960	4,000
4	AV 1x50 (V-75)	7	compact			20,767	21,806	3,000
5	AV 1x70 (V-75)	19	compact			29,095	30,550	2,000
6	AV 1x95 (V-75)	19	compact			39,745	41,732	1,500
7	AV 1x120 (V-75)	19	compact			49,104	51,559	1,000
8	AV 1x150 (V-75)	19	compact			60,654	63,687	1,000
9	AV 1x185 (V-75)	37	compact			75,357	79,125	500
10	AV 1x240 (V-75)	37	compact			96,976	101,824	500
11	AV 1x300 (V-75)	37	compact			120,227	126,238	500
12	AV 1x400 (V-75)	61	compact			159,459	167,432	250
13	AV 1x500 (V-75)	61	compact			195,733	205,520	250
14	AV 1x630 (V-75)	61	compact			244,477	256,701	250

Ghi chú: Các sản phẩm có tiết diện $\geq 10\text{mm}^2$, ruột dẫn bện ép chặt cấp 2 nên đường kính danh định ghi Compact

CADI-SUN cam kết

- Sản phẩm được quản lý theo Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001
- Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng sẽ không xuất ra thị trường
- Cung ứng hàng hóa nhanh chóng, kịp thời theo đúng yêu cầu của Khách hàng
- Khách hàng có thể đặt hàng theo quy cách và tiêu chuẩn yêu cầu riêng
- Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng truy cập website: www.cadisun.com.vn

CADI-SUN, ngày 01 tháng 06 năm 2024

TỔNG GIÁM ĐỐC



Phạm Lương Hòa

BẢNG GIÁ SẢN PHẨM DÂY VÀ CÁP ĐIỆN CADISUN®

CÁP NHÔM ĐƠN BỌC CÁCH ĐIỆN XLPE, CÓ VỎ BỌC NGOÀI PVC

Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 5935-1/ IEC 60502-1
Quy cách: AI/XLPE/PVC
Điện áp sử dụng: 0.6/1kV

STT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Đơn giá (Đã bao gồm VAT 10%)		Chiều dài đóng gói (m)
		Dây pha		Trung tính		Giá bán sỉ (VNĐ/m)	Giá bán lẻ (VNĐ/m)	
		Số sợi	ĐK	Số sợi	ĐK			
1	AXV 10	7	compact			7,804	8,194	500
2	AXV 16	7	compact			9,967	10,465	500
3	AXV 25	7	compact			14,279	14,993	3,000
4	AXV 35	7	compact			18,031	18,932	3,000
5	AXV 50	7	compact			23,517	24,693	3,000
6	AXV 70	19	compact			32,136	33,742	2,000
7	AXV 95	19	compact			42,753	44,890	2,000
8	AXV 120	19	compact			53,097	55,751	1,000
9	AXV 150	19	compact			65,595	68,875	1,000
10	AXV 185	37	compact			80,373	84,392	1,000
11	AXV 240	37	compact			103,198	108,358	1,000
12	AXV 300	37	compact			126,359	132,677	1,000
13	AXV 400	61	compact			166,509	174,834	1,000
14	AXV 500	61	compact			204,185	214,394	1,000

Ghi chú: Các sản phẩm có tiết diện $\geq 10\text{mm}^2$, ruột dẫn bện ép chặt cấp 2 nên đường kính danh định ghi Compact

CADI-SUN cam kết

- Sản phẩm được quản lý theo Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001
- Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng sẽ không xuất ra thị trường
- Cung ứng hàng hóa nhanh chóng, kịp thời theo đúng yêu cầu của Khách hàng
- Khách hàng có thể đặt hàng theo quy cách và tiêu chuẩn yêu cầu riêng
- Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng truy cập website: www.cadisun.com.vn

CADI-SUN, ngày 01 tháng 06 năm 2024



Phạm Lương Hòa

BẢNG GIÁ SẢN PHẨM DÂY VÀ CÁP ĐIỆN CADISUN[®]

CÁP NHÔM 4 RUỘT BỌC CÁCH ĐIỆN XLPE, BỌC VỎ NGOÀI PVC

Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 5935-1/ IEC 60502-1
Quy cách: AI/XLPE/PVC
Điện áp sử dụng: 0.6/1kV

STT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Đơn giá (Đã bao gồm VAT 10%)		Chiều dài đóng gói (m)
		Dây pha		Trung tính		Giá bán sỉ (VNĐ/m)	Giá bán lẻ (VNĐ/m)	
		Số sợi	ĐK	Số sợi	ĐK			
1	AXV 4x10	7	compact			29,054	30,507	2,000
2	AXV 4x16	7	compact			39,431	41,402	2,000
3	AXV 4x25	7	compact			55,893	58,688	2,000
4	AXV 4x35	7	compact			71,204	74,764	1,000
5	AXV 4x50	7	compact			94,065	98,768	1,000
6	AXV 4x70	19	compact			132,124	138,730	1,000
7	AXV 4x95	19	compact			175,418	184,189	500
8	AXV 4x120	19	compact			217,517	228,392	500
9	AXV 4x150	19	compact			267,830	281,222	500
10	AXV 4x185	37	compact			329,649	346,131	500
11	AXV 4x240	37	compact			420,407	441,427	250
12	AXV 4x300	37	compact			519,854	545,847	250
13	AXV 4x400	61	compact			692,766	727,404	250
14	AXV 4x500	61	compact			849,844	892,336	250

Ghi chú: Các sản phẩm có tiết diện $\geq 10\text{mm}^2$, ruột dẫn bện ép chặt cấp 2 nên đường kính danh định ghi Compact

CADI-SUN cam kết

- Sản phẩm được quản lý theo Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001
- Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng sẽ không xuất ra thị trường
- Cung ứng hàng hóa nhanh chóng, kịp thời theo đúng yêu cầu của Khách hàng
- Khách hàng có thể đặt hàng theo quy cách và tiêu chuẩn yêu cầu riêng
- Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng truy cập website: www.cadisun.com.vn

CADI-SUN, ngày 01 tháng 06 năm 2024



Phạm Lương Hòa

BẢNG GIÁ SẢN PHẨM DÂY VÀ CÁP ĐIỆN CADISUN[®]
CÁP NGẮM NHÔM 4 RUỘT (1 LỖI TRUNG TÍNH NHỎ HƠN) BỌC CÁCH ĐIỆN XLPE, BỌC VỎ PVC

Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 5935-1/ IEC 60502-1
 Quy cách: AI/XLPE/ADSTA/PVC
 Điện áp sử dụng: 0.6/1kV

STT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Đơn giá (Đã bao gồm VAT 10%)		Chiều dài đóng gói (m)
		Dây pha		Trung tính		Giá bán sỉ (VNĐ/m)	Giá bán lẻ (VNĐ/m)	
		Số sợi	ĐK	Số sợi	ĐK			
1	ADSTA 3x16+1x10	7	compact	7	compact	49,701	52,186	1,000
2	ADSTA 3x25+1x16	7	compact	7	compact	66,486	69,811	1,000
3	ADSTA 3x35+1x16	7	compact	7	compact	78,630	82,561	1,000
4	ADSTA 3x35+1x25	7	compact	7	compact	84,575	88,804	1,000
5	ADSTA 3x50+1x25	7	compact	7	compact	102,709	107,844	1,000
6	ADSTA 3x50+1x35	7	compact	7	compact	109,295	114,760	1,000
7	ADSTA 3x70+1x35	19	compact	7	compact	154,992	162,742	1,000
8	ADSTA 3x70+1x50	19	compact	7	compact	161,979	170,078	1,000
9	ADSTA 3x95+1x50	19	compact	7	compact	197,305	207,171	1,000
10	ADSTA 3x95+1x70	19	compact	19	compact	207,648	218,031	1,000
11	ADSTA 3x120+1x70	19	compact	19	compact	246,058	258,361	500
12	ADSTA 3x120+1x95	19	compact	19	compact	259,137	272,093	500
13	ADSTA 3x150+1x70	19	compact	19	compact	288,816	303,256	500
14	ADSTA 3x150+1x95	19	compact	19	compact	300,047	315,049	500
15	ADSTA 3x150+1x120	19	compact	19	compact	313,779	329,467	500
16	ADSTA 3x185+1x95	37	compact	19	compact	350,628	368,159	500
17	ADSTA 3x185+1x120	37	compact	19	compact	366,889	385,233	500
18	ADSTA 3x185+1x150	37	compact	19	compact	380,352	399,370	250
19	ADSTA 3x240+1x120	37	compact	19	compact	439,033	460,984	250
20	ADSTA 3x240+1x150	37	compact	19	compact	454,395	477,115	250
21	ADSTA 3x240+1x185	37	compact	37	compact	470,101	493,606	250
22	ADSTA 3x300+1x150	37	compact	19	compact	535,764	562,552	250
23	ADSTA 3x300+1x185	37	compact	37	compact	554,228	581,940	250
24	ADSTA 3x300+1x240	37	compact	37	compact	579,340	608,307	250
25	ADSTA 3x400+1x240	61	compact	37	compact	713,741	749,428	250
26	ADSTA 3x400+1x300	61	compact	37	compact	745,325	782,591	250

Ghi chú: Các sản phẩm có tiết diện $\geq 10\text{mm}^2$, ruột dẫn bên ép chặt cấp 2 nên đường kính danh định ghi Compact

CADI-SUN cam kết

- Sản phẩm được quản lý theo Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001
- Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng sẽ không xuất ra thị trường
- Cung ứng hàng hóa nhanh chóng, kịp thời theo đúng yêu cầu của Khách hàng
- Khách hàng có thể đặt hàng theo quy cách và tiêu chuẩn yêu cầu riêng
- Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng truy cập website: www.cadisun.com.vn

CADI-SUN, ngày 01 tháng 06 năm 2024

TỔNG GIÁM ĐỐC



Phạm Lương Hòa

BẢNG GIÁ SẢN PHẨM DÂY VÀ CÁP ĐIỆN CADISUN[®]

CÁP NGẮM NHÔM 4 RUỘT (1 LỖI TRUNG TÍNH NHỎ HƠN) BỌC CÁCH ĐIỆN XLPE, BỌC VỎ PVC

Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 5935-1/ IEC 60502-1
Quy cách: AI/XLPE/ADSTA/PVC
Điện áp sử dụng: 0.6/1kV

STT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Đơn giá (Đã bao gồm VAT 10%)		Chiều dài đóng gói (m)
		Dây pha		Trung tính		Giá bán sỉ (VNĐ/m)	Giá bán lẻ (VNĐ/m)	
		Số sợi	ĐK	Số sợi	ĐK			
1	ADSTA 4x16	7	compact			53,009	55,660	1,000
2	ADSTA 4x25	7	compact			71,978	75,577	1,000
3	ADSTA 4x35	7	compact			89,092	93,547	1,000
4	ADSTA 4x50	7	compact			116,046	121,848	500
5	ADSTA 4x70	19	compact			171,512	180,087	500
6	ADSTA 4x95	19	compact			219,529	230,505	500
7	ADSTA 4x120	19	compact			270,795	284,335	500
8	ADSTA 4x150	19	compact			327,834	344,226	250
9	ADSTA 4x185	37	compact			395,999	415,799	250
10	ADSTA 4x240	37	compact			498,740	523,678	250
11	ADSTA 4x300	37	compact			601,896	631,991	250

Ghi chú: Các sản phẩm có tiết diện $\geq 10\text{mm}^2$, ruột dẫn bên ép chặt cấp 2 nên đường kính danh định ghi Compact

CADI-SUN cam kết

- Sản phẩm được quản lý theo Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001
- Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng sẽ không xuất ra thị trường
- Cung ứng hàng hóa nhanh chóng, kịp thời theo đúng yêu cầu của Khách hàng
- Khách hàng có thể đặt hàng theo quy cách và tiêu chuẩn yêu cầu riêng
- Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng truy cập website: www.cadisun.com.vn

CADI-SUN, ngày 01 tháng 06 năm 2024

TỔNG GIÁM ĐỐC
CỘNG TY
CỔ PHẦN
DÂY VÀ CÁP ĐIỆN
THƯƠNG ĐÌNH HÒA
Q. THANH XUÂN - TP. HÀ NỘI

Phạm Lương Hòa

BẢNG GIÁ SẢN PHẨM DÂY VÀ CÁP ĐIỆN CADISUN[®]

CÁP NHÔM LỖI THÉP BỌC CÁCH ĐIỆN PVC

Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 5935-1/ IEC 60502-1
Quy cách: Fe/Al/PVC
Điện áp sử dụng: 0.6/1kV

STT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Đơn giá (Đã bao gồm VAT 10%)		Chiều dài đóng gói (m)
		Dây pha		Trung tính		Giá bán sỉ (VNĐ/m)	Giá bán lẻ (VNĐ/m)	
		Số sợi	ĐK	Số sợi	ĐK			
1	AsV 16/2.7	1	1.85	6	1.85	9,356	9,824	7,500
2	AsV 25/4.2	1	2.30	6	2.30	14,034	14,736	5,500
3	AsV 35/6.2	1	2.80	6	2.80	19,128	20,084	4,000
4	AsV 50/8.0	1	3.20	6	3.20	24,811	26,052	3,100
5	AsV 70/11	1	3.80	6	3.80	33,693	35,378	3,000
6	AsV 95/16	1	4.50	6	4.50	46,965	49,314	2,700
7	AsV 120/19	7	1.85	26	2.40	55,956	58,754	2,000
8	AsV 120/27	7	2.20	30	2.20	57,386	60,255	2,000
9	AsV 150/19	7	1.85	24	2.80	68,181	71,590	2,000
10	AsV 150/24	7	2.10	26	2.70	70,452	73,974	2,000
11	AsV 150/34	7	2.50	30	2.50	75,461	79,234	2,000
12	AsV 185/29	7	2.30	26	2.98	86,354	90,672	1,000
13	AsV 185/43	7	2.80	30	2.80	93,003	97,653	1,000
14	AsV 240/32	7	2.40	24	3.60	112,519	118,144	1,000
15	AsV 240/56	7	3.20	30	3.20	120,761	126,799	1,000
16	AsV 300/39	7	2.65	24	4.00	138,067	144,971	1,000

Ghi chú: Các sản phẩm có tiết diện $\geq 10\text{mm}^2$, ruột dẫn bện ép chặt cấp 2 nên đường kính danh định ghi Compact

CADI-SUN cam kết

- Sản phẩm được quản lý theo Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001
- Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng sẽ không xuất ra thị trường
- Cung ứng hàng hóa nhanh chóng, kịp thời theo đúng yêu cầu của Khách hàng
- Khách hàng có thể đặt hàng theo quy cách và tiêu chuẩn yêu cầu riêng
- Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng truy cập website: www.cadisun.com.vn

CADI-SUN, ngày 01 tháng 06 năm 2024

TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY
CƠ PHẦN
DÂY VÀ CÁP ĐIỆN
THƯƠNG ĐÌNH HÒA
Q. THANH XUÂN - TP. HÀ NỘI

Phạm Lương Hòa

BẢNG GIÁ SẢN PHẨM DÂY VÀ CÁP ĐIỆN CADISUN[®]

CÁP NHÔM BÊN ÉP VẶN XOẮN 2 RUỘT

Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 6447:1998
Quy cách: AI/XLPE
Điện áp sử dụng: 0.6/1kV

STT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Đơn giá (Đã bao gồm VAT 10%)		Chiều dài đóng gói (m)
		Dây pha		Trung tính		Giá bán sỉ (VNĐ/m)	Giá bán lẻ (VNĐ/m)	
		Số sợi	ĐK	Số sợi	ĐK			
1	ABC 2x16	7	compact			16,584	17,414	2,000
2	ABC 2x25	7	compact			23,121	24,277	2,000
3	ABC 2x35	7	compact			30,028	31,529	1,500
4	ABC 2x50	7	compact			40,915	42,961	1,000
5	ABC 2x70	19	compact			56,846	59,689	800
6	ABC 2x95	19	compact			77,364	81,232	600
7	ABC 2x120	19	compact			95,375	100,143	500
8	ABC 2x150	19	compact			116,671	122,504	500
9	ABC 2x185	37	compact			145,303	152,568	500
10	ABC 2x240	37	compact			184,902	194,147	500

Ghi chú: Các sản phẩm có tiết diện $\geq 10\text{mm}^2$, ruột dẫn bên ép chặt cấp 2 nên đường kính danh định ghi Compact

CADI-SUN cam kết

- Sản phẩm được quản lý theo Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001
- Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng sẽ không xuất ra thị trường
- Cung ứng hàng hóa nhanh chóng, kịp thời theo đúng yêu cầu của Khách hàng
- Khách hàng có thể đặt hàng theo quy cách và tiêu chuẩn yêu cầu riêng
- Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng truy cập website: www.cadisun.com.vn

CADI-SUN, ngày 01 tháng 06 năm 2024



Phạm Lương Hòa

BẢNG GIÁ SẢN PHẨM DÂY VÀ CÁP ĐIỆN CADISUN[®]
CÁP NHÔM BÊN ÉP VẶN XOẮN 3 RUỘT

Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 6447:1998

Quy cách: AI/XLPE

Điện áp sử dụng: 0.6/1kV

STT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Đơn giá (Đã bao gồm VAT 10%)		Chiều dài đóng gói (m)
		Dây pha		Trung tính		Giá bán sỉ (VNĐ/m)	Giá bán lẻ (VNĐ/m)	
		Số sợi	ĐK	Số sợi	ĐK			
1	ABC 3x16	7	compact			24,232	25,444	2,000
2	ABC 3x25	7	compact			34,208	35,918	2,000
3	ABC 3x35	7	compact			44,131	46,338	1,500
4	ABC 3x50	7	compact			60,222	63,233	1,000
5	ABC 3x70	19	compact			83,934	88,131	800
6	ABC 3x95	19	compact			114,377	120,096	600
7	ABC 3x120	19	compact			142,521	149,647	500
8	ABC 3x150	19	compact			174,409	183,129	500
9	ABC 3x185	37	compact			215,064	225,817	500
10	ABC 3x240	37	compact			277,521	291,397	500

CÁP NHÔM BÊN ÉP VẶN XOẮN 4 RUỘT

Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 6447:1998

Quy cách: AI/XLPE

Điện áp sử dụng: 0.6/1kV

STT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Đơn giá (Đã bao gồm VAT 10%)		Chiều dài đóng gói (m)
		Dây pha		Trung tính		Giá bán sỉ (VNĐ/m)	Giá bán lẻ (VNĐ/m)	
		Số sợi	ĐK	Số sợi	ĐK			
1	ABC 4x16	7	compact			31,728	33,314	2,000
2	ABC 4x25	7	compact			45,106	47,361	2,000
3	ABC 4x35	7	compact			58,880	61,824	1,500
4	ABC 4x50	7	compact			80,207	84,218	1,000
5	ABC 4x70	19	compact			111,871	117,464	800
6	ABC 4x95	19	compact			152,520	160,146	600
7	ABC 4x120	19	compact			189,041	198,493	500
8	ABC 4x150	19	compact			231,394	242,963	500
9	ABC 4x185	37	compact			286,486	300,810	500
10	ABC 4x240	37	compact			368,551	386,978	500

Ghi chú: Các sản phẩm có tiết diện $\geq 10\text{mm}^2$, ruột dẫn bên ép chặt cấp 2 nên đường kính danh định ghi Compact

CADI-SUN cam kết

- Sản phẩm được quản lý theo Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001
- Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng sẽ không xuất ra thị trường
- Cung ứng hàng hóa nhanh chóng, kịp thời theo đúng yêu cầu của Khách hàng
- Khách hàng có thể đặt hàng theo quy cách và tiêu chuẩn yêu cầu riêng
- Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng truy cập website: www.cadisun.com.vn

CADI-SUN, ngày 01 tháng 06 năm 2024

Phạm Lương Hòa



CADI-SUN[®]

Dây điện tốt. Cáp điện bền

CHẤT LƯỢNG



DÂY DÂN DỤNG



BẢNG GIÁ SẢN PHẨM DÂY VÀ CÁP ĐIỆN CADISUN®

DÂY XÚP DÍNH

Tiêu chuẩn áp dụng: TCCS 01:2012/CADI-SUN
Quy cách: Cu/PVC
Điện áp sử dụng: 250V

STT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Đơn giá (Đã bao gồm VAT 10%)		Chiều dài đóng gói (m/cuộn)
		Dây pha		Trung tính		Giá bán sỉ (VNĐ/m)	Giá bán lẻ (VNĐ/m)	
		Số sợi	ĐK	Số sợi	ĐK			
1	VCmD 2x0.5	20	0.177			4,975	5,224	100
2	VCmD 2x0.75	30	0.177			7,151	7,508	100
3	VCmD 2x1.0	30	0.20			8,975	9,424	100
4	VCmD 2x1.5	30	0.24			12,646	13,278	100
5	VCmD 2x2.5	50	0.24			20,453	21,475	100

DÂY ĐƠN MỀM

Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 6610-3/ IEC 60227-3
Quy cách: Cu/PVC
Điện áp sử dụng: 300/500V và 450/750V

STT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Đơn giá (Đã bao gồm VAT 10%)		Chiều dài đóng gói (m/cuộn)
		Dây pha		Trung tính		Giá bán sỉ (VNĐ/m)	Giá bán lẻ (VNĐ/m)	
		Số sợi	ĐK	Số sợi	ĐK			
DIỆN ÁP 300/500V, DÙNG ĐỂ LẮP ĐẶT BÊN TRONG								
1	VCSF 1x0.5	20	0.177			2,473	2,596	200
2	VCSF 1x0.75	30	0.177			3,553	3,731	200
3	VCSF 1x1.0	30	0.20			4,402	4,622	200
DIỆN ÁP 450/750V, DÙNG ĐỂ LẮP ĐẶT CỐ ĐỊNH								
4	VCSF 1x1.5	30	0.24			6,269	6,582	100
5	VCSF 1x2.5	50	0.24			10,210	10,720	100
6	VCSF 1x4.0	52	0.30			16,229	17,040	100
7	VCSF 1x6.0	80	0.30			24,820	26,060	100
8	VCSF 1x10.0	140	0.30			43,837	46,028	100

Ghi chú: Các sản phẩm có tiết diện $\geq 10\text{mm}^2$, ruột dẫn bên ép chặt cấp 2 nên đường kính danh định ghi Compact

CADI-SUN cam kết

- Sản phẩm được quản lý theo Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001
- Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng sẽ không xuất ra thị trường
- Cung ứng hàng hóa nhanh chóng, kịp thời theo đúng yêu cầu của Khách hàng
- Khách hàng có thể đặt hàng theo quy cách và tiêu chuẩn yêu cầu riêng
- Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng truy cập website: www.cadisun.com.vn

CADI-SUN, ngày 01 tháng 06 năm 2024

TỔNG GIÁM ĐỐC
CỘNG TY
CỔ PHẦN
DÂY VÀ CÁP ĐIỆN
THƯỢNG ĐÌNH
Q. THANH XUÂN - TP. HÀ NỘI
Phạm Lương Hòa

BẢNG GIÁ SẢN PHẨM DÂY VÀ CÁP ĐIỆN CADISUN[®]

CÁP ĐỒNG ĐƠN BỌC CÁCH ĐIỆN PVC

Tiêu chuẩn áp dụng: **AS/NZS 5000.1:2005**
Quy cách: **Cu/PVC**
Điện áp sử dụng: **0.6/1kV**

STT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Đơn giá (Đã bao gồm VAT 10%)		Chiều dài đóng gói (m/cuộn)
		Dây pha		Trung tính		Giá bán si (VNĐ/m)	Giá bán lẻ (VNĐ/m)	
		Số sợi	ĐK	Số sợi	ĐK			
1	CV 1x1.5 (V-75)	7	0.52			6,663	6,996	100
2	CV 1x2.5 (V-75)	7	0.67			10,758	11,296	100
3	CV 1x4.0 (V-75)	7	0.85			17,472	18,346	100
4	CV 1x6.0 (V-75)	7	1.04			25,424	26,695	100
5	CV 1x10 (V-75)	7	compact			41,177	43,236	100

DÂY ÔVAN 2 RUỘT MỀM

Tiêu chuẩn áp dụng: **TCVN 6610-5/ IEC 60227-5**
Quy cách: **Cu/PVC/PVC**
Điện áp sử dụng: **300/500V**

STT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Đơn giá (Đã bao gồm VAT 10%)		Chiều dài đóng gói (m/cuộn)
		Dây pha		Trung tính		Giá bán si (VNĐ/m)	Giá bán lẻ (VNĐ/m)	
		Số sợi	ĐK	Số sợi	ĐK			
1	VCTFK 2x0.75	30	0.177			7,985	8,385	100 & 200
2	VCTFK 2x1.0	30	0.20			9,856	10,349	100 & 200
3	VCTFK 2x1.5	30	0.24			13,654	14,336	100 & 200
4	VCTFK 2x2.5	50	0.24			22,125	23,231	100 & 200
5	VCTFK 2x4.0	52	0.30			35,033	36,785	100 & 200
6	VCTFK 2x6.0	80	0.30			52,788	55,427	100 & 200

Ghi chú: Các sản phẩm có tiết diện $\geq 10\text{mm}^2$, ruột dẫn bên ép chặt cáp 2 nèn đường kính danh định ghi Compact

CADI-SUN cam kết

- Sản phẩm được quản lý theo Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001
- Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng sẽ không xuất ra thị trường
- Cung ứng hàng hóa nhanh chóng, kịp thời theo đúng yêu cầu của Khách hàng
- Khách hàng có thể đặt hàng theo quy cách và tiêu chuẩn yêu cầu riêng
- Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng truy cập website: www.cadisun.com.vn

CADI-SUN, ngày 01 tháng 06 năm 2024

TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY
CỔ PHẦN
DÂY VÀ CÁP ĐIỆN
THƯƠNG ĐÌNH HÒA
Q. THANH XUÂN - TP. HÀ NỘI

Phạm Lương Hòa

BẢNG GIÁ SẢN PHẨM DÂY VÀ CÁP ĐIỆN CADISUN®

DÂY TRÒN 2 RUỘT MỀM

Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 6610-5/ IEC 60227-5
Quy cách: Cu/PVC/PVC
Điện áp sử dụng: 300/500V

STT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Đơn giá (Đã bao gồm VAT 10%)		Chiều dài đóng gói (m/cuộn)
		Dây pha		Trung tính		Giá bán sỉ (VNĐ/m)	Giá bán lẻ (VNĐ/m)	
		Số sợi	ĐK	Số sợi	ĐK			
1	VCTF 2x0.75	30	0.177			8,829	9,270	200
2	VCTF 2x1.0	30	0.20			10,769	11,308	200
3	VCTF 2x1.5	30	0.24			14,893	15,637	200
4	VCTF 2x2.5	50	0.24			23,952	25,149	200
5	VCTF 2x4.0	52	0.30			37,551	39,428	200
6	VCTF 2x6.0	80	0.30			56,080	58,884	200

DÂY TRÒN 3 RUỘT MỀM

Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 6610-5/ IEC 60227-5
Quy cách: Cu/PVC/PVC
Điện áp sử dụng: 300/500V

STT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Đơn giá (Đã bao gồm VAT 10%)		Chiều dài đóng gói (m/cuộn)
		Dây pha		Trung tính		Giá bán sỉ (VNĐ/m)	Giá bán lẻ (VNĐ/m)	
		Số sợi	ĐK	Số sợi	ĐK			
1	VCTF 3x0.75	30	0.177			12,285	12,900	200
2	VCTF 3x1.0	30	0.20			15,250	16,013	200
3	VCTF 3x1.5	30	0.24			21,213	22,274	200
4	VCTF 3x2.5	50	0.24			34,659	36,392	200
5	VCTF 3x4.0	52	0.30			53,690	56,375	200
6	VCTF 3x6.0	80	0.30			81,388	85,457	200

Ghi chú: Các sản phẩm có tiết diện $\geq 10\text{mm}^2$, ruột dẫn bền ép chặt cấp 2 nên đường kính danh định ghi Compact

CADI-SUN cam kết

- Sản phẩm được quản lý theo Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001
- Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng sẽ không xuất ra thị trường
- Cung ứng hàng hóa nhanh chóng, kịp thời theo đúng yêu cầu của Khách hàng
- Khách hàng có thể đặt hàng theo quy cách và tiêu chuẩn yêu cầu riêng
- Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng truy cập website: www.cadisun.com.vn

CADI-SUN, ngày 01 tháng 06 năm 2024



Phạm Lương Hòa

BẢNG GIÁ SẢN PHẨM DÂY VÀ CÁP ĐIỆN CADISUN®

DÂY TRÒN 4 RUỘT MỀM

Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 6610-5/ IEC 60227-5
Quy cách: Cu/PVC/PVC
Điện áp sử dụng: 300/500V

STT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Đơn giá (Đã bao gồm VAT 10%)		Chiều dài đóng gói (m/cuộn)
		Dây pha		Trung tính		Giá bán sỉ (VNĐ/m)	Giá bán lẻ (VNĐ/m)	
		Số sợi	ĐK	Số sợi	ĐK			
1	VCTF 4x0.75	30	0.177			15,868	16,662	200
2	VCTF 4x1.0	30	0.20			19,824	20,815	200
3	VCTF 4x1.5	30	0.24			27,816	29,207	200
4	VCTF 4x2.5	50	0.24			45,157	47,415	200
5	VCTF 4x4.0	52	0.30			70,522	74,049	200
6	VCTF 4x6.0	80	0.30			106,821	112,162	200

DÂY TRÒN 5 RUỘT MỀM

Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 6610-5/ IEC 60227-5
Quy cách: Cu/PVC/PVC
Điện áp sử dụng: 300/500V

STT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Đơn giá (Đã bao gồm VAT 10%)		Chiều dài đóng gói (m/cuộn)
		Dây pha		Trung tính		Giá bán sỉ (VNĐ/m)	Giá bán lẻ (VNĐ/m)	
		Số sợi	ĐK	Số sợi	ĐK			
1	VCTF 5x0.75	30	0.177			20,564	21,593	200
2	VCTF 5x1.0	30	0.20			25,347	26,614	200
3	VCTF 5x1.5	30	0.24			35,888	37,682	200
4	VCTF 5x2.5	50	0.24			57,787	60,677	200
5	VCTF 5x4.0	52	0.30			90,165	94,673	200
6	VCTF 5x6.0	80	0.30			135,912	142,708	200

DÂY ĐƠN LỖI ĐỒNG 1 SỢI CỨNG

Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 6610-3/ IEC 60227-3
Quy cách: Cu/PVC
Điện áp sử dụng: 450/750V

STT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				Đơn giá (Đã bao gồm VAT 10%)		Chiều dài đóng gói (m/cuộn)
		Dây pha		Trung tính		Giá bán sỉ (VNĐ/m)	Giá bán lẻ (VNĐ/m)	
		Số sợi	ĐK	Số sợi	ĐK			
1	VCSH 1x1.5	1	1.38			6,474	6,798	200
2	VCSH 1x2.5	1	1.75			10,303	10,818	200
3	VCSH 1x4.0	1	2.25			16,761	17,599	200
4	VCSH 1x6.0	1	2.77			25,136	26,393	100

Ghi chú: Các sản phẩm có tiết diện $\geq 10\text{mm}^2$, ruột dẫn bên ép chặt cấp 2 nên đường kính danh định ghi Compact

CADI-SUN cam kết

- Sản phẩm được quản lý theo Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001
- Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng sẽ không xuất ra thị trường
- Cung ứng hàng hóa nhanh chóng, kịp thời theo đúng yêu cầu của Khách hàng
- Khách hàng có thể đặt hàng theo quy cách và tiêu chuẩn yêu cầu riêng
- Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng truy cập website: www.cadisun.com.vn

CADI-SUN, ngày 01 tháng 06 năm 2024





CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY VÀ CÁP ĐIỆN THƯỢNG ĐÌNH
THƯƠNG ĐÌNH ELECTRICAL WIRES AND CABLES ., JSC

Địa chỉ: Ngõ 320 đường Khương Đình, Cụm 3, Phường Hạ Đình, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Điện thoại: +84 243 858 8565

Fax: +84 243 858 8566

Email: info@cadisun.com.vn

Website: www.cadisun.com.vn